

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**BỘ TÀI CHÍNH**

**Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021
hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số
126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định
chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế**

(Tiếp theo Công báo số 961 + 962)

Phụ lục II**DANH MỤC MẪU BIỂU HỒ SƠ KHAI THUẾ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

STT	Mẫu số	Tên hồ sơ, mẫu biểu
I. Mẫu biểu hồ sơ khai bổ sung hồ sơ khai thuế		
1	01/KHBS	Tờ khai bổ sung
2	01-1/KHBS	Bản giải trình khai bổ sung
II. Mẫu biểu hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng		
3	01/GTGT	Tờ khai thuế giá trị gia tăng (áp dụng đối với người nộp thuế tính thuế theo phương pháp khấu trừ có hoạt động sản xuất kinh doanh)
4	01-2/GTGT	Phụ lục bảng phân bổ số thuế giá trị gia tăng phải nộp đối với hoạt động sản xuất thủy điện

STT	Mẫu số	Tên hồ sơ, mẫu biểu
5	01-3/GTGT	Phụ lục bảng phân bổ số thuế giá trị gia tăng phải nộp đối với hoạt động kinh doanh xổ số điện toán
6	01-6/GTGT	Phụ lục bảng phân bổ thuế giá trị gia tăng phải nộp (trừ sản xuất thủy điện, kinh doanh xổ số điện toán)
7	05/GTGT	Tờ khai thuế giá trị gia tăng (áp dụng đối với người nộp thuế tính thuế theo phương pháp khấu trừ có hoạt động xây dựng, chuyển nhượng bất động sản tại địa bàn cấp tỉnh khác nơi đóng trụ sở chính)
8	02/GTGT	Tờ khai thuế giá trị gia tăng (áp dụng đối với người nộp thuế tính thuế theo phương pháp khấu trừ có dự án đầu tư thuộc diện được hoàn thuế)
9	03/GTGT	Tờ khai thuế giá trị gia tăng (áp dụng đối với hoạt động mua bán, chế tác vàng bạc, đá quý tính thuế theo phương pháp trực tiếp trên giá trị gia tăng)
10	04/GTGT	Tờ khai thuế giá trị gia tăng (áp dụng đối với người nộp thuế tính thuế theo phương pháp trực tiếp trên doanh thu)
III. Mẫu biểu hồ sơ khai thuế tiêu thụ đặc biệt		
11	01/TTĐB	Tờ khai thuế tiêu thụ đặc biệt (trừ hoạt động sản xuất, pha chế xăng sinh học)

STT	Mẫu số	Tên hồ sơ, mẫu biểu
12	01-2/TTĐB	Phụ lục bảng xác định số thuế tiêu thụ đặc biệt được khấu trừ của nguyên liệu mua vào, hàng hóa nhập khẩu
13	01-3/TTĐB	Phụ lục bảng phân bổ số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp đối với hoạt động kinh doanh xổ số điện toán
14	02/TTĐB	Tờ khai thuế tiêu thụ đặc biệt (áp dụng đối với cơ sở sản xuất, pha chế xăng sinh học)
IV. Mẫu biểu hồ sơ khai thuế tài nguyên		
15	01/TAIN	Tờ khai thuế tài nguyên
16	02/TAIN	Tờ khai quyết toán thuế tài nguyên
17	01-1/TAIN	Phụ lục bảng phân bổ số thuế tài nguyên phải nộp đối với hoạt động sản xuất thủy điện
V. Mẫu biểu hồ sơ khai thuế bảo vệ môi trường		
18	01/TBVMT	Tờ khai thuế bảo vệ môi trường
19	01-1/TBVMT	Phụ lục bảng xác định số thuế bảo vệ môi trường phải nộp đối với than
20	01-2/TBVMT	Phụ lục bảng phân bổ số thuế bảo vệ môi trường phải nộp đối với xăng dầu
VI. Mẫu biểu hồ sơ khai thuế thu nhập doanh nghiệp		
21	02/TNDN	Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp (áp dụng đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo từng lần phát sinh)

STT	Mẫu số	Tên hồ sơ, mẫu biểu
22	03/TNDN	Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp (áp dụng đối với phương pháp doanh thu - chi phí)
23	03-1A/TNDN	Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (áp dụng đối với ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ, trừ công ty an ninh, quốc phòng)
24	03-1B/TNDN	Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (áp dụng đối với ngành ngân hàng, tín dụng)
25	03-1C/TNDN	Phụ lục kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (áp dụng đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán)
26	03-2/TNDN	Phụ lục chuyển lỗ
27	03-3A/TNDN	Phụ lục thuế thu nhập doanh nghiệp được ưu đãi đối với thu nhập từ dự án đầu tư mới, thu nhập của doanh nghiệp được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp
28	03-3B/TNDN	Phụ lục thuế thu nhập doanh nghiệp được ưu đãi đối với cơ sở kinh doanh đầu tư mở rộng quy mô, nâng cao công suất, đổi mới công nghệ sản xuất (dự án đầu tư mở rộng)
29	03-3C/TNDN	Phụ lục thuế thu nhập doanh nghiệp được ưu đãi đối với doanh nghiệp sử dụng lao động là người dân tộc thiểu số hoặc doanh nghiệp hoạt động sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng nhiều lao động nữ

STT	Mẫu số	Tên hồ sơ, mẫu biểu
30	03-3D/TNDN	Phụ lục thuế thu nhập doanh nghiệp được ưu đãi đối với doanh nghiệp khoa học công nghệ hoặc doanh nghiệp thực hiện chuyển giao công nghệ thuộc lĩnh vực ưu tiên chuyển giao
31	03-4/TNDN	Phụ lục thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp ở nước ngoài
32	03-5/TNDN	Phụ lục thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản
33	03-6/TNDN	Phụ lục báo cáo trích lập, sử dụng quỹ khoa học và công nghệ
34	03-8/TNDN	Phụ lục bảng phân bổ số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với cơ sở sản xuất
35	03-8A/TNDN	Phụ lục bảng phân bổ số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản
36	03-8B/TNDN	Phụ lục bảng phân bổ số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với hoạt động sản xuất thủy điện
37	03-8C/TNDN	Phụ lục bảng phân bổ số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với hoạt động kinh doanh xổ số điện toán
38	03-9/TNDN	Phụ lục bảng kê chứng từ nộp tiền thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng bất động sản thu tiền theo tiến độ chưa bàn giao trong năm
39	04/TNDN	Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp (áp dụng đối với phương pháp tỷ lệ trên doanh thu)

STT	Mẫu số	Tên hồ sơ, mẫu biểu
40	05/TNDN	Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp (áp dụng đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn)
41	06/TNDN	Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp (áp dụng đối với hoạt động bán toàn bộ doanh nghiệp dưới hình thức chuyển nhượng vốn có gắn với bất động sản)
VII. Mẫu biểu hồ sơ khai thuế thu nhập cá nhân		
42	01/XSBHĐC	Tờ khai thuế thu nhập cá nhân (áp dụng đối với doanh nghiệp xổ số, bảo hiểm, bán hàng đa cấp trả tiền hoa hồng cho cá nhân trực tiếp ký hợp đồng làm đại lý bán đúng giá; doanh nghiệp bảo hiểm trả phí tích lũy bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác)
43	01-1/BK-XSBHĐC	Phụ lục bảng kê chi tiết cá nhân có phát sinh doanh thu từ hoạt động đại lý xổ số, bảo hiểm, bán hàng đa cấp (kê khai vào hồ sơ khai thuế của tháng/quý cuối cùng trong năm tính thuế)
44	02/KK-TNCN	Tờ khai thuế thu nhập cá nhân (áp dụng đối với cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công khai thuế trực tiếp với cơ quan thuế)
45	02/QTT-TNCN	Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân (áp dụng đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công)
46	02-1/BK-QTT-TNCN	Phụ lục bảng kê giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc

STT	Mẫu số	Tên hồ sơ, mẫu biểu
47	03/BDS-TNCN	Tờ khai thuế thu nhập cá nhân (áp dụng đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản; thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản)
48	04/CNV-TNCN	Tờ khai thuế thu nhập cá nhân (áp dụng đối với cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp, cá nhân chuyển nhượng chứng khoán khai trực tiếp với cơ quan thuế và tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân)
49	04-1/CNV-TNCN	Phụ lục bảng kê chi tiết cá nhân chuyển nhượng vốn (áp dụng đối với tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho nhiều cá nhân)
50	04/ĐTV-TNCN	Tờ khai thuế thu nhập cá nhân (áp dụng đối với cá nhân nhận cổ tức bằng chứng khoán, lợi tức ghi tăng vốn, chứng khoán thưởng cho cổ đông hiện hữu khi chuyển nhượng và tổ chức, cá nhân khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân)
51	04-1/ĐTV-TNCN	Phụ lục bảng kê chi tiết (áp dụng đối với tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay cho nhiều cá nhân)
52	04/NNG-TNCN	Tờ khai thuế thu nhập cá nhân (áp dụng đối với cá nhân không cư trú có thu nhập từ kinh doanh, cá nhân có thu nhập từ đầu tư vốn, bản quyền, nhượng quyền thương mại, trúng thưởng được trả từ nước ngoài)

STT	Mẫu số	Tên hồ sơ, mẫu biểu
53	04/TKQT-TNCN	Tờ khai thuế thu nhập cá nhân (áp dụng đối với cá nhân nhận thừa kế, quà tặng không phải là bất động sản)
54	05/KK-TNCN	Tờ khai thuế thu nhập cá nhân (áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả các khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công)
55	05-1/PBT-KK-TNCN	Phụ lục bảng xác định số thuế thu nhập cá nhân phải nộp đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công và trúng thưởng
56	05/QTT-TNCN	Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân (áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công)
57	05-1/BK-QTT-TNCN	Phụ lục bảng kê chi tiết cá nhân thuộc diện tính thuế theo biểu lũy tiến từng phần
58	05-2/BK-QTT-TNCN	Phụ lục bảng kê chi tiết cá nhân thuộc diện tính thuế theo thuế suất toàn phần
59	05-3/BK-QTT-TNCN	Phụ lục bảng kê chi tiết người phụ thuộc giảm trừ gia cảnh
60	06/TNCN	Tờ khai thuế thu nhập cá nhân (áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập khấu trừ thuế đối với thu nhập từ đầu tư vốn, từ chuyển nhượng chứng khoán, từ bản quyền, từ nhượng quyền thương mại, từ trúng thưởng của cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú; từ kinh

STT	Mẫu số	Tên hồ sơ, mẫu biểu
		doanh của cá nhân không cư trú; tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng vốn của cá nhân không cư trú)
61	06-1/BK-TNCN	Phụ lục bảng kê chi tiết cá nhân có thu nhập trong năm tính thuế (kê khai vào hồ sơ khai thuế của tháng/quý cuối cùng trong năm tính thuế)
62	07/ĐK-NPT-TNCN	Bản đăng ký người phụ thuộc
63	07/XN-NPT-TNCN	Phụ lục bảng kê khai về người phải trực tiếp nuôi dưỡng
64	07/THĐK-NPT-TNCN	Phụ lục bảng tổng hợp đăng ký người phụ thuộc cho người giám trừ gia cảnh (áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện đăng ký giảm trừ người phụ thuộc cho người lao động)
65	08/UQ-QTT-TNCN	Giấy ủy quyền quyết toán thuế thu nhập cá nhân
66	08/CK-TNCN	Bản cam kết
VIII. Mẫu biểu hồ sơ khai lệ phí môn bài		
67	01/LPMB	Tờ khai lệ phí môn bài
IX. Mẫu biểu hồ sơ khai thuế và các khoản thu liên quan đến đất đai		
68	01/TK-SDDPNN	Tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân trừ chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất)

STT	Mẫu số	Tên hồ sơ, mẫu biểu
69	02/TK-SDDPNN	Tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (áp dụng đối với tổ chức)
70	03/TKTH-SDDPNN	Tờ khai tổng hợp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân kê khai tổng hợp đất ở)
71	04/TK-SDDPNN	Tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất)
72	01/SDDNN	Tờ khai thuế sử dụng đất nông nghiệp (áp dụng đối với tổ chức có đất chịu thuế)
73	02/SDDNN	Tờ khai thuế sử dụng đất nông nghiệp (áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân có đất chịu thuế)
74	03/SDDNN	Tờ khai thuế sử dụng đất nông nghiệp (áp dụng đối với đất trồng cây lâu năm thu hoạch một lần)
75	01/TMĐN	Tờ khai tiền thuê đất, thuê mặt nước (áp dụng cho đối tượng chưa có quyết định, hợp đồng cho thuê đất của Nhà nước)
X. Mẫu biểu hồ sơ khai phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước		
76	01/PBVMT	Tờ khai phí bảo vệ môi trường (áp dụng đối với hoạt động khai thác khoáng sản)
77	02/PBVMT	Tờ khai quyết toán phí bảo vệ môi trường (áp dụng đối với hoạt động khai thác khoáng sản)

STT	Mẫu số	Tên hồ sơ, mẫu biểu
78	01/PH	Tờ khai phí
79	02/PH	Tờ khai quyết toán phí
80	01/LPTB	Tờ khai lệ phí trước bạ (áp dụng đối với nhà, đất)
81	02/LPTB	Tờ khai lệ phí trước bạ (áp dụng đối với tàu thuyền đánh cá, tàu thuyền vận tải thủy nội địa, tàu biển và tài sản khác trừ nhà, đất)
82	01/LP	Tờ khai lệ phí
83	01/PHLPNG	Tờ khai phí, lệ phí và các khoản thu khác do cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài thực hiện thu
84	02/PHLPNG	Tờ khai quyết toán phí, lệ phí và các khoản thu khác do cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài thực hiện thu
85	02-1/PHLPNG	Phụ lục bảng kê phí, lệ phí và các khoản thu khác phải nộp theo từng cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài thực hiện thu
XI. Mẫu biểu hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân của tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam (sau đây gọi là nhà thầu nước ngoài)		
86	01/NTNN	Tờ khai thuế nhà thầu nước ngoài (áp dụng đối với bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay cho Nhà thầu nước ngoài)

STT	Mẫu số	Tên hồ sơ, mẫu biểu
87	02/NTNN	Tờ khai quyết toán thuế nhà thầu nước ngoài (áp dụng đối với bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay cho nhà thầu nước ngoài)
88	02-1/NTNN	Phụ lục bảng kê các nhà thầu nước ngoài
89	02-2/NTNN	Phụ lục bảng kê các nhà thầu phụ tham gia hợp đồng nhà thầu
90	03/NTNN	Tờ khai thuế nhà thầu nước ngoài (áp dụng đối với nhà thầu nước ngoài nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ trên doanh thu)
91	04/NTNN	Tờ khai quyết toán thuế nhà thầu nước ngoài (áp dụng đối với nhà thầu nước ngoài trực tiếp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ trên doanh thu tính thuế)
92	01/HKNN	Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hãng hàng không nước ngoài
93	01/VTNN	Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hãng vận tải nước ngoài
94	01-1/VTNN	Phụ lục bảng kê thu nhập vận tải quốc tế (áp dụng đối với doanh nghiệp khai thác tàu)
95	01-2/VTNN	Phụ lục bảng kê thu nhập vận tải quốc tế (áp dụng đối với trường hợp hoán đổi/chia chỗ)
96	01-3/VTNN	Phụ lục bảng kê doanh thu lưu công-ten-nơ

STT	Mẫu số	Tên hồ sơ, mẫu biểu
97	01/TBH	Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với tổ chức nhận tái bảo hiểm nước ngoài
98	01-1/TBH	Phụ lục danh mục Hợp đồng tái bảo hiểm
XII. Mẫu biểu hồ sơ khai thuế tài nguyên, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước đối với hoạt động dầu khí		
99	01/TK-VSP	Tờ khai thuế tạm tính
100	01-1/TNDN-VSP	Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính
101	01-1/PTHU-VSP	Tờ khai phụ thu tạm tính
102	01/LNCN-VSP	Tờ khai tạm tính tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà (Liên doanh Việt-Nga “Vietsovpetro”)
103	02/TAIN-VSP	Tờ khai quyết toán thuế tài nguyên đối với dầu khí
104	02-1/TAIN-VSP	Phụ lục bảng kê sản lượng và doanh thu xuất bán dầu khí
105	02/TNDN-VSP	Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp
106	01/ĐCĐB-VSP	Tờ khai điều chỉnh thuế đặc biệt đối với khí thiên nhiên
107	02/PTHU-VSP	Tờ khai quyết toán phụ thu
108	02-1/PTHU-VSP	Phụ lục bảng kê số phụ thu tạm tính đã nộp
109	02/LNCN-VSP	Tờ khai quyết toán tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà (Liên doanh Việt-Nga “Vietsovpetro”)

STT	Mẫu số	Tên hồ sơ, mẫu biểu
110	01/TAIN-DK	Tờ khai thuế tài nguyên tạm tính đối với dầu khí
111	01/TNDN-DK	Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính đối với dầu khí
112	01/LNCN-PSC	Tờ khai tạm tính tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà
113	01/PTHU-DK	Tờ khai phụ thu tạm tính
114	02/TAIN-DK	Tờ khai quyết toán thuế tài nguyên đối với dầu khí
115	02-1/PL-DK	Phụ lục sản lượng và doanh thu xuất bán dầu khí
116	02/TNDN-DK	Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dầu khí
117	02/PTHU-DK	Tờ khai quyết toán phụ thu (áp dụng đối với dự án dầu khí khuyến khích đầu tư)
118	03/PTHU-DK	Tờ khai quyết toán phụ thu
119	04/PTHU-DK	Phụ lục bảng kê sản lượng và giá bán dầu thô khai thác
120	05/PTHU-DK	Phụ lục bảng kê số phụ thu tạm tính đã nộp
121	02/LNCN-PSC	Tờ khai quyết toán tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà
122	01/PL-DK	Phụ lục chi tiết nghĩa vụ thuế của các nhà thầu dầu khí

STT	Mẫu số	Tên hồ sơ, mẫu biểu
123	02-1/PL-DK	Phụ lục phân chia tiền dầu, khí xuất bán
124	03/TNDN-DK	Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp (áp dụng đối với thu nhập từ chuyển nhượng quyền lợi tham gia hợp đồng dầu khí)
125	01/BCTL-DK	Báo cáo dự kiến sản lượng dầu khí khai thác và tỷ lệ tạm nộp thuế
126	01/TNS-DK	Tờ khai các khoản thu về hoa hồng dầu khí, tiền đọc và sử dụng tài liệu dầu khí
XIII. Mẫu biểu hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân đối với tổ chức tín dụng hoặc bên thứ ba được tổ chức tín dụng ủy quyền khai thác tài sản bảo đảm trong thời gian chờ xử lý khai thay cho người nộp thuế có tài sản bảo đảm		
127	01/KTTSBĐ	Tờ khai thuế đối với hoạt động khai thác tài sản bảo đảm trong thời gian chờ xử lý
128	01-1/KTTSBĐ	Phụ lục bảng kê chi tiết số thuế phải nộp đối với hoạt động khai thác tài sản bảo đảm trong thời gian chờ xử lý
XIV. Mẫu biểu hồ sơ khai lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; cổ tức, lợi nhuận được chia cho phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên		
129	01/CTLNĐC	Tờ khai cổ tức, lợi nhuận được chia cho phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

STT	Mẫu số	Tên hồ sơ, mẫu biểu
130	01/QT-LNCL	Tờ khai quyết toán lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ phải nộp ngân sách nhà nước của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ
131	01-1/QT-LNCL	Phụ lục bảng phân bổ số lợi nhuận sau thuế còn lại phải nộp đối với hoạt động kinh doanh xổ số điện toán
XV. Mẫu biểu hồ sơ khác		
132	01/ĐK-TĐKTT	Văn bản đề nghị thay đổi kỳ tính thuế từ tháng sang quý
133	02/XĐ-PNTT	Bản xác định số tiền thuế phải nộp theo tháng tăng thêm so với số đã kê khai theo quý

Mẫu số: **07-1/HDTV**
 Ban hành kèm theo Thông tư số
 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021
 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

UBND CẤP TỈNH.....
 UBND CẤP HUYỆN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND , ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tư vấn thuế “xã/phường/thị trấn”.....

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN “QUẬN/HUYỆN/THỊ XÃ”.....

Căn cứ Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ.....;

Căn cứ Thông tư số.../2021/TT-BTC ngày... của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Thuế/Chi cục Thuế khu vực.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tư vấn thuế “xã/phường/thị trấn”.....
 (sau đây gọi tắt là Hội đồng tư vấn thuế) bao gồm các thành viên có tên sau đây:

1. Ông/bà.....	- Chủ tịch/Phó chủ tịch UBND	- Chủ tịch Hội đồng
2. Ông/bà.....	- Công chức tài chính.....	- Thành viên thường trực
3. Ông/bà.....	- Đội thuế.....	- Thành viên
4. Ông/bà.....	- Chủ tịch MTTQ xã/phường...	- Thành viên
5. Ông/bà.....	- Trưởng Công an xã/phường...	- Thành viên
6. Ông/bà.....	- Chủ hộ kinh doanh.....	- Thành viên
7. Ông/bà.....	- Chủ hộ kinh doanh.....	- Thành viên

8. Ông/bà.....	- Chủ hộ kinh doanh.....	- Thành viên
9. Ông/bà.....	- Chủ hộ kinh doanh.....	- Thành viên
.....	- Chủ hộ kinh doanh.....	- Thành viên

Điều 2. Hội đồng tư vấn thuế có nhiệm vụ tư vấn cho Chi cục Thuế/Chi cục Thuế khu vực..... về doanh thu, mức thuế của các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán trên địa bàn, bảo đảm đúng pháp luật, dân chủ, công khai, công bằng, hợp lý khi Chi cục Thuế gửi lấy ý kiến; đồng thời phối hợp với cơ quan thuế đơn đốc các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật.

Nhiệm vụ cụ thể:

1. Tư vấn về doanh thu và mức thuế khoán dự kiến ổn định đầu năm của hộ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán bao gồm cả hộ kinh doanh có mức doanh thu thuộc diện không phải nộp thuế giá trị gia tăng, không phải nộp thuế thu nhập cá nhân.

2. Tư vấn về mức thuế điều chỉnh đối với hộ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán khi có thay đổi trong hoạt động sản xuất kinh doanh như: thay đổi về quy mô, địa điểm; thay đổi về ngành nghề hoạt động; ngừng hoặc tạm ngừng kinh doanh trong năm tính thuế.

3. Phối hợp với cơ quan Thuế quản lý hoạt động của hộ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán tại địa bàn, đơn đốc hộ kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hội đồng tư vấn thuế thành lập theo Điều 1 Quyết định này hoạt động theo nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn.

Chi cục trưởng Chi cục Thuế/Chi cục Thuế khu vực có trách nhiệm đề nghị Chủ tịch UBND “quận/huyện/thị xã”..... thành lập lại Hội đồng tư vấn thuế hoặc bổ sung, thay thế các thành viên theo đúng quy định hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Ông (bà) Chủ tịch UBND xã/phường/thị trấn.....; Chi cục trưởng Chi cục Thuế/Chi cục Thuế khu vực.....; và cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

-.....;
-.....;
- Lưu:.....

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số: 07-2/HĐTV
Ban hành kèm theo Thông tư số
80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Tài chính

UBND QUẬN, HUYỆN.....
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN THUẾ
XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN

Họp hội đồng tư vấn

Căn cứ các nội dung, hồ sơ, tài liệu gửi lấy ý kiến tư vấn ngày
...../...../..... của Chi cục Thuế/ Chi cục Thuế khu vực.....;

Hội đồng tư vấn thuế..... họp và thông qua kết quả tư
vấn như sau:

I/ Ý kiến của các thành viên

*Ghi rõ từng ý kiến tham gia của các thành viên về việc điều chỉnh đối
tượng, doanh thu, mức thuế của hộ kinh doanh; điều chỉnh Kế hoạch; lý do đề
nghị điều chỉnh.*

*Ghi rõ kết quả biểu quyết về các ý kiến của thành viên HĐTV thuế đối với từng
nội dung chưa thống nhất.*

II/ Kết quả tư vấn

**1. Các trường hợp đề nghị Chi cục Thuế/Chi cục Thuế khu vực bổ
sung/điều chỉnh đối tượng nộp thuế:**

**2. Các trường hợp đề nghị Chi cục Thuế/Chi cục Thuế khu vực điều chỉnh
doanh thu, mức thuế:**

3. Các trường hợp khác thống nhất như dự kiến của cơ quan thuế:

**4. Các trường hợp đề nghị Chi cục Thuế/Chi cục Thuế khu vực điều chỉnh
Kế hoạch:**

CÁC THÀNH VIÊN KÝ TÊN

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TƯ VẤN THUẾ

CHI CỤC THUẾ/CHI CỤC THUẾ KHU VỰC.....

Mẫu số: **07-3/HĐTV**
 Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/
 TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021
 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

DANH SÁCH DỰ KIẾN VỀ DOANH THU, MỨC THUẾ CỦA HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH

Năm lập bộ:.....

Địa bàn: xã/phường/thị trấn.....

S T T	Mã số thuế	Tên hộ kinh doanh	Địa chỉ kinh doanh	Ngành nghề kinh doanh	Số liệu Chi cục Thuế đã lập bộ trong năm trước				Số liệu hộ kinh doanh kê khai cho năm lập bộ				Số liệu Chi cục Thuế dự kiến cho năm lập bộ					
					Số tiền thuế phải nộp tháng		Số tiền thuế phải nộp tháng		Số tiền thuế phải nộp tháng		Số tiền thuế phải nộp tháng		Số tiền thuế phải nộp tháng		Số tiền thuế phải nộp tháng		Số tiền thuế phải nộp tháng	
					Thuế GTGT	Thuế TNCN	Thuế TTDB	Thuế Tài nguyên	Thuế GTGT	Thuế TNCN	Thuế TTDB	Thuế Tài nguyên	Thuế GTGT	Thuế TNCN	Thuế TTDB	Thuế Tài nguyên	Thuế GTGT	Thuế TNCN
Doanh thu khoán tháng (DTTT TNCN)	Doanh thu khoán tháng (DTTT TNCN)	Doanh thu khoán tháng (DTTT TNCN)	Doanh thu khoán tháng (DTTT TNCN)	Doanh thu khoán tháng (DTTT TNCN)	Doanh thu khoán tháng (DTTT TNCN)	Doanh thu khoán tháng (DTTT TNCN)	Doanh thu khoán tháng (DTTT TNCN)	Doanh thu khoán tháng (DTTT TNCN)	Doanh thu khoán tháng (DTTT TNCN)	Doanh thu khoán tháng (DTTT TNCN)	Doanh thu khoán tháng (DTTT TNCN)	Doanh thu khoán tháng (DTTT TNCN)	Doanh thu khoán tháng (DTTT TNCN)	Doanh thu khoán tháng (DTTT TNCN)	Doanh thu khoán tháng (DTTT TNCN)	Doanh thu khoán tháng (DTTT TNCN)	Doanh thu khoán tháng (DTTT TNCN)	
I/ DANH SÁCH HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH THUỘC DIỆN KHÔNG PHẢI NỘP THUẾ GTGT, THUẾ TNCN																		
II/ DANH SÁCH HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH THUỘC DIỆN PHẢI NỘP THUẾ GTGT, THUẾ TNCN																		

ĐỘI TRƯỞNG ĐỘI THUẾ
 (Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày.....tháng.....năm.....
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CHI CỤC THUẾ/CHI CỤC THUẾ KHU VỰC.....

Mẫu số: **07-4/HĐTV**
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021
 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

DANH SÁCH HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN VÀ TIỀN THUẾ

Tháng..... năm.....
 Địa bàn: xã/phường/thị trấn.....

ST	Mã số thuế	Tên hộ kinh doanh	Địa chỉ kinh doanh	Ngành nghề kinh doanh	Số liệu Chi cục Thuế đang lập bộ trong năm										Số liệu hộ kinh doanh kê khai hoặc kê khai lại cho năm lập bộ										Số liệu Chi cục Thuế dự kiến lập bộ cho các tháng có thay đổi										Lý do không đủ điều kiện điều chỉnh
					Số tiền thuế phải nộp tháng					Số tiền thuế phải nộp tháng					Số tiền thuế phải nộp tháng					Số tiền thuế phải nộp tháng					Số tiền thuế phải nộp tháng										
					Thuế GTGT	Thuế TNCN	Thuế TTDB	Thuế Tài nguyên	Phí BVMT	Thuế GTGT	Thuế TNCN	Thuế TTDB	Thuế Tài nguyên	Phí BVMT	Thuế GTGT	Thuế TNCN	Thuế TTDB	Thuế Tài nguyên	Phí BVMT	Thuế GTGT	Thuế TNCN	Thuế TTDB	Thuế Tài nguyên	Phí BVMT	Thuế GTGT	Thuế TNCN	Thuế TTDB	Thuế Tài nguyên	Phí BVMT						
I/ DANH SÁCH HỘ KINH DOANH THAY ĐỔI QUY MÔ, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH																																			
II/ DANH SÁCH HỘ KINH DOANH NGỪNG, TẠM NGỪNG KINH DOANH TRONG NĂM (BAO GỒM CÓ THÔNG BÁO VÀ KHÔNG CÓ THÔNG BÁO)																																			
III/ DANH SÁCH HỘ KINH DOANH ĐIỀU CHỈNH LẠI DOANH THU, MỨC THUẾ DO THAY ĐỔI VỀ CHÍNH SÁCH																																			
IV/ DANH SÁCH HỘ KINH DOANH NGỪNG, TẠM NGỪNG KINH DOANH THEO YÊU CẦU CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THAM QUYỀN																																			

ĐỘI TRƯỞNG ĐỘI THUẾ
 (Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

HỘI ĐỒNG TƯ VẤN THUẾ.....

Mẫu số: **07-5/HĐTV**
 Ban hành kèm theo Thông tư số
 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021
 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

THÔNG BÁO KẾT QUẢ TƯ VẤN VỀ DOANH THU, MỨC THUẾ CỦA HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH

Tháng, năm lập bộ:.....

Địa bàn: xã/phường/thị trấn.....

S T T	Mã số thuế	Tên hộ kinh doanh	Địa chỉ kinh doanh	Ngành nghề kinh doanh	Dự kiến của Chi cục Thuế gửi lấy ý kiến tư vấn					Kết quả tư vấn của Hội đồng tư vấn thuế					Lý do
					Số tiền thuế phải nộp tháng					Số tiền thuế phải nộp tháng					
					Doanh thu khoán tháng (DTTT TNCN)	Tổng GTGT TNCN	Thuế TTDB	Thuế Tài nguyên	Thuế BVMT	Phí BVMT	Doanh thu khoán tháng (DTTT TNCN)	Tổng GTGT TNCN	Thuế TTDB	Thuế Tài nguyên	
I/ DANH SÁCH HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH THUỘC DIỆN KHÔNG PHẢI NỘP THUẾ GTGT, THUẾ TNCN															
II/ DANH SÁCH HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH THUỘC DIỆN PHẢI NỘP THUẾ GTGT, THUẾ TNCN															

....., ngày.....tháng.....năm.....
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TƯ VẤN THUẾ
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Chi thông báo kết quả tư vấn về những trường hợp Hội đồng tư vấn thuế đề nghị điều chỉnh lại doanh thu, mức thuế của hộ kinh doanh so với kết quả dự kiến của Chi cục Thuế

HỘI ĐỒNG TƯ VẤN THUẾ.....

Mẫu số: **07-6/HĐTV**
 Ban hành kèm theo Thông tư số
 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021
 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

THÔNG BÁO KẾT QUẢ TƯ VẤN VỀ ĐIỀU CHỈNH TIỀN THUẾ CỦA HỘ KINH DOANH, CÁ NHÂN KINH DOANH

Tháng..... năm.....

Địa bàn: xã/phường/thị trấn.....

S T T	Mã số thuế	Tên hộ kinh doanh	Địa chỉ kinh doanh	Ngành nghề kinh doanh	Số tiền thuế đủ điều kiện được điều chỉnh				Số tiền thuế không đủ điều kiện điều chỉnh				Lý do	
					Thuế GTGT	Thuế TNCN	Thuế....	Thuế....	Thuế GTGT	Thuế TNCN	Thuế....	Thuế....		
					Kỳ tính thuế được điều chỉnh	Số tiền thuế được điều chỉnh	Kỳ tính thuế được điều chỉnh	Số tiền thuế được điều chỉnh	Kỳ tính thuế được điều chỉnh	Số tiền thuế không được điều chỉnh	Kỳ tính thuế không được điều chỉnh	Số tiền thuế không được điều chỉnh	Kỳ tính thuế không được điều chỉnh	

Ghi chú: Chi thông báo kết quả tư vấn về những trường hợp Hội đồng tư vấn thuế đề nghị điều chỉnh lại số tiền thuế miễn, giảm của hộ kinh doanh so với kết quả xác định của Chi cục Thuế
 ngày tháng năm

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TƯ VẤN THUẾ
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số: **01/TTN**
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021
 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TỔNG CỤC THUẾ/CỤC THUẾ
 CỤC THUẾ/CHI CỤC THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-.....

....., ngày..... tháng..(N).... năm.....

THÔNG BÁO **Tiền thuế nợ**

Cơ quan thuế thông báo đến:... (tên người nộp thuế)...

Mã số thuế:.....

Địa chỉ nhận thông báo:.....

Căn cứ dữ liệu tại cơ quan thuế về tình hình kê khai và nộp thuế vào ngân sách nhà nước,...(tên người nộp thuế)... chưa nộp đủ số tiền thuế nợ như sau:

1. Tổng số tiền thuế nợ chưa nộp NSNN là... đồng. Cụ thể như sau:

- Số tiền thuế và các khoản thu khác tính đến ngày... (ngày cuối tháng)... tháng...(N-1)... năm... là:... đồng;

- Số tiền chậm nộp tính đến ngày..... (ngày cuối tháng)..... tháng...(N-1)... năm... là:... đồng.

Trong đó số tiền thuế nợ phát sinh trong tháng ... (N-1)... năm... là:... đồng. Cụ thể như sau:

- Số tiền thuế và các khoản thu khác phát sinh từ ngày 01 tháng ... (N-1)... năm... đến ngày... (ngày cuối tháng)... tháng.... (N-1)... năm... là:... đồng;

- Số tiền chậm nộp phát sinh từ ngày 01 tháng ...(N-1).... năm ... đến ngày... (ngày cuối tháng)... tháng... (N-1)... năm... là:... đồng;

2. Số tiền quá hạn nộp phải thực hiện cưỡng chế nợ thuế là:... đồng.

Đề nghị người nộp thuế nộp ngay số tiền nêu tại điểm 1 vào ngân sách nhà nước.

Nếu có vướng mắc, người nộp thuế liên hệ với cơ quan thuế theo địa chỉ:...

Bộ phận liên hệ:

Số điện thoại:

Nơi nhận:

- Tên người nộp thuế;
- Các đơn vị có liên quan;
- Lưu VT, bộ phận phát hành thông báo.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số: **02/TTN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số
80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**TỔNG CỤC THUẾ/CỤC THUẾ
CỤC THUẾ/CHI CỤC THUẾ**

Số:...../TB-.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO
Tiền thuế nợ
Đến ngày... tháng... năm...

Cơ quan thuế thông báo đến:... (tên người nộp thuế)...

Mã số thuế:.....

Địa chỉ nhận thông báo:.....

Căn cứ dữ liệu tại cơ quan thuế về tình hình kê khai và nộp thuế vào ngân sách nhà nước, tính đến ngày... tháng... năm... (tên người nộp thuế)... còn nợ đồng (viết bằng chữ:.... đồng), trong đó:

- Số tiền thuế và các khoản thu khác là:... đồng;
- Số tiền chậm nộp tính đến ngày... tháng... năm... là:... đồng.

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế/cơ quan nhà nước có thẩm quyền được biết. Nếu có vướng mắc, người nộp thuế/cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên hệ với cơ quan thuế theo địa chỉ:...

Bộ phận liên hệ:.....

Số điện thoại:.....

Nơi nhận:

- Tên người nộp thuế/Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- Các đơn vị có liên quan;
- Lưu VT, bộ phận phát hành thông báo.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số: **03/TTN**
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021
 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TỔNG CỤC THUẾ/CỤC THUẾ
CỤC THUẾ/CHI CỤC THUẾ

Số:...../TB-.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.... năm.....

THÔNG BÁO
Số tiền chậm nộp được điều chỉnh giảm

Cơ quan thuế thông báo đến:... (tên người nộp thuế)...

Mã số thuế:.....

Địa chỉ nhận thông báo:.....

Căn cứ hồ sơ khai thuế kỳ...../hồ sơ thanh tra, kiểm tra/quyết định/thông báo số..... ngày... tháng... năm... của... (tên cơ quan thuế hoặc cơ quan có thẩm quyền)... về việc giảm số tiền thuế phải nộp;

...(Tên người nộp thuế)... được điều chỉnh giảm tiền chậm nộp với số tiền là:.... đồng (Viết bằng chữ:... đồng). Trong đó:

- Tiền chậm nộp thuế... (Tiểu mục 49...):... đồng;
- Tiền chậm nộp thuế... (Tiểu mục 49...):... đồng;
- ...

Lý do điều chỉnh giảm tiền chậm nộp:.....

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế được biết. Nếu có vướng mắc, người nộp thuế liên hệ với cơ quan thuế theo địa chỉ:...

Bộ phận liên hệ:.....

Số điện thoại:.....

Nơi nhận:

- Tên người nộp thuế;
- Các đơn vị có liên quan;
- Lưu VT, bộ phận phát hành thông báo.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
 (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: Trường hợp trong Quyết định giải quyết khiếu nại hoặc hồ sơ thanh tra, kiểm tra đã xác định số tiền chậm nộp được điều chỉnh giảm thì không thực hiện theo Thông báo này.

Mẫu số: **01/KTCN**
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021
 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi:... (Tên cơ quan thuế)...

... (Tên người nộp thuế)..., mã số thuế:..., địa chỉ:... đã cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho... (tên đơn vị)... là đơn vị sử dụng vốn NSNN theo hợp đồng số:..., ngày... tháng... năm..., trong đó:

1. Giá trị hợp đồng

- Giá trị hợp đồng được thanh toán từ nguồn vốn NSNN:... đồng.

- Giá trị hợp đồng được thanh toán từ nguồn ngoài NSNN:... đồng.

2.... (Tên đơn vị)... đã thanh toán cho... (tên người nộp thuế)... số tiền là:...(số tiền)... đồng, trong đó:

- Số tiền được thanh toán từ nguồn vốn NSNN:... đồng.

- Số tiền được thanh toán từ nguồn ngoài NSNN:... đồng.

3. Số tiền... (tên đơn vị)... chưa thanh toán cho... (tên người nộp thuế)... từ nguồn vốn NSNN là:..... đồng.

4. Thời hạn... (tên đơn vị)... phải thanh toán theo hợp đồng là ngày... tháng... năm... **(1)**

5.... (Tên người nộp thuế)... đề nghị... (tên cơ quan thuế)... không tính tiền chậm nộp theo quy định tại Điều... Thông tư số.../.../TT-BTC ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ Tài chính đối với số thuế thuộc:

- Tờ khai thuế... tháng/quý/năm...; số tiền:... đồng, hạn nộp:.... **(2)**, không tính tiền chậm nộp từ ngày... tháng.. năm... đến ngày được... (tên đơn vị)... thanh toán **(3)**

- Tờ khai thuế... tháng/quý/năm..., số tiền:... đồng, hạn nộp:....., không tính tiền chậm nộp từ ngày... tháng... năm... đến ngày được... (tên đơn vị)... thanh toán.

- Quyết định số..., ngày... tháng... năm.....; số tiền:... đồng, hạn nộp:....., không tính tiền chậm nộp từ ngày... tháng... năm... đến ngày được... (tên đơn vị)... thanh toán.

-...

6. Tài liệu gửi kèm: (ghi rõ tên tài liệu, bản chính hay bản sao)

(1)

(2)

... (Tên người nộp thuế)... chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,

NGƯỜI NỘP THUẾ
hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu)

Hướng dẫn lập mẫu số 01/KTCN:

Trường hợp 1:

- (1) Thời hạn đơn vị A phải thanh toán theo hợp đồng là ngày 15/01.
- (2) Hạn nộp thuế là ngày 20/01.
- (3) Không tính tiền chậm nộp từ ngày 21/01 đến ngày được đơn vị A thanh toán.

Trường hợp 2:

- (1) Thời hạn đơn vị A phải thanh toán theo hợp đồng là ngày 25/01.
- (2) Hạn nộp thuế là ngày 20/01.
- (3) Không tính tiền chậm nộp từ ngày 25/01 đến ngày được đơn vị A thanh toán.

Mẫu số: **02/KTCN**
*(Ban hành kèm theo Thông tư số
 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm
 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

Kính gửi:.... (tên đơn vị sử dụng vốn NSNN)...

... (Tên người nộp thuế)...., mã số thuế:...., địa chỉ:... đã cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho... (tên đơn vị sử dụng vốn NSNN)... là đơn vị sử dụng vốn NSNN theo hợp đồng số:...., ngày... tháng... năm..... (Tên người nộp thuế)... đề nghị... (tên đơn vị sử dụng vốn NSNN)... xác nhận các nội dung sau:

... (Tên đơn vị sử dụng vốn NSNN)... là đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước mở tài khoản tại... (tên kho bạc nhà nước nơi mở tài khoản)...., số tài khoản:...., tên tài khoản.....

... (Tên người nộp thuế)..... đã cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho... (tên đơn vị sử dụng vốn NSNN).... theo hợp đồng số:....., ngày... tháng... năm..., trong đó:

1. Giá trị hợp đồng

- Giá trị hợp đồng được thanh toán từ nguồn vốn NSNN:..... đồng.

- Giá trị hợp đồng được thanh toán từ nguồn ngoài NSNN:..... đồng.

2..... (Tên đơn vị sử dụng vốn NSNN)..... đã thanh toán cho..... (tên người nộp thuế)..... số tiền là:.... (số tiền)... đồng, trong đó:

- Số tiền được thanh toán từ nguồn vốn NSNN:.... đồng.

- Số tiền được thanh toán từ nguồn ngoài NSNN:.... đồng.

3. Số tiền.... (tên đơn vị sử dụng vốn NSNN)..... chưa thanh toán cho..... (tên người nộp thuế)... từ nguồn vốn NSNN là:..... đồng.

4. Thời hạn... (tên đơn vị sử dụng vốn NSNN)..... phải thanh toán theo hợp đồng là ngày..... tháng... năm.....

..., ngày... tháng... năm....

**XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ
SỬ DỤNG VỐN NSNN***(Ghi rõ ngày tháng năm.**Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu)*

..., ngày... tháng... năm....

**NGƯỜI NỘP THUẾ
hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NGƯỜI NỘP THUẾ***(Ghi rõ ngày tháng năm.**Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu)*

Mẫu số: **03/KTCN**
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021
 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO
Về việc nộp tiền thuế nợ vào NSNN

Căn cứ Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Điều... Thông tư số.../.../TT-BTC ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

... (Tên người nộp thuế)..., mã số thuế:..., địa chỉ nhận thông báo:... thông báo đến... (Tên cơ quan thuế)... như sau:

1.... (Tên người nộp thuế)... đã được đơn vị sử dụng vốn NSNN là... (tên đơn vị)... thanh toán vào ngày... tháng... năm..., số tiền thanh toán là... đồng.

2.... (Tên người nộp thuế)... đã nộp tiền thuế vào NSNN ngày... tháng... năm..., số tiền là..... đồng.

... (Tên người nộp thuế)... thông báo đề...(Tên cơ quan thuế)... biết./.

Nơi nhận:

-... (Tên cơ quan thuế)....;

-;

- Lưu:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số: **04/KTCN**
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021
 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
 TÊN CƠ QUAN THUẾ
 BAN HÀNH THÔNG BÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-...

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO
Về việc không chấp thuận không tính tiền chậm nộp

Căn cứ Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Thông tư số.../.../TT-BTC ngày.... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ văn bản số..... ngày.... tháng... năm... của.... (tên người nộp thuế).... về việc đề nghị không tính tiền chậm nộp;

Sau khi kiểm tra hồ sơ đề nghị không tính tiền chậm nộp của... (tên người nộp thuế)...., mã số thuế:....., địa chỉ:.....;

... (Tên cơ quan thuế ban hành thông báo)... thông báo:

Trường hợp của... (tên người nộp thuế)... không thuộc trường hợp được không tính tiền chậm nộp theo quy định tại Điều... Thông tư số.../.../TT-BTC ngày... tháng... năm....

Lý do:.....

..... (Tên cơ quan thuế ban hành thông báo)..... thông báo đề...(tên người nộp thuế)... được biết và đề nghị..... (người nộp thuế).... nộp đầy đủ, kịp thời số tiền thuế nợ vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

-(Tên người nộp thuế).....;
-;
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số: **05/KTCN**
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021
 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
 TÊN CƠ QUAN THUẾ
BAN HÀNH THÔNG BÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-.....

..., ngày... tháng... năm...

THÔNG BÁO
Về việc chấp thuận không tính tiền chậm nộp

Căn cứ Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Thông tư số.../.../TT-BTC ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ văn bản số..... ngày... tháng... năm... của..... (tên người nộp thuế)..... về việc đề nghị không tính tiền chậm nộp;

Sau khi kiểm tra hồ sơ đề nghị không tính tiền chậm nộp của (tên người nộp thuế)...., mã số thuế:...., địa chỉ...;

Cục Thuế/Chi cục Thuế..... thông báo:

1. Trường hợp của..... (tên người nộp thuế)..... thuộc đối tượng không tính tiền chậm nộp theo quy định tại Điều... Thông tư số.../.../TT-BTC ngày.... tháng.... năm....

Lý do:.....

Số tiền thuế nợ không tính tiền chậm nộp cụ thể như sau:

TT	Loại thuế	Tiểu mục	Số tiền (đồng)	Hạn nộp	Thời hạn không tính tiền chậm nộp	
					Từ ngày	Đến ngày
1	Thuế GTGT	1701			...	Đơn vị sử dụng vốn NSNN thanh toán
2	Thuế TNDN	1052			...	Đơn vị sử dụng vốn NSNN thanh toán

TT	Loại thuế	Tiểu mục	Số tiền (đồng)	Hạn nộp	Thời hạn không tính tiền chậm nộp	
					Từ ngày	Đến ngày
3	Đơn vị sử dụng vốn NSNN thanh toán
4	Tiền chậm nộp (nếu có)				...	Đơn vị sử dụng vốn NSNN thanh toán
	Tổng cộng					

2. Sau khi được đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước thanh toán,.... (tên người nộp thuế)... phải nộp ngay số tiền thuế nợ vào ngân sách nhà nước và thông báo cho Cục Thuế/Chi cục Thuế..... theo mẫu số 03/KTCN ban hành kèm theo Thông tư số.../.../TT-BTC ngày... tháng... năm... để Cục Thuế/Chi cục Thuế có cơ sở tính lại các khoản tiền thuế nợ, tiền chậm nộp và xác định chính xác số ngày không phải nộp tiền chậm nộp của người nộp thuế.

Cục Thuế/Chi cục Thuế..... thông báo để.... (tên người nộp thuế)... được biết./.

Nơi nhận:

- (Tên người nộp thuế)....;
- Phòng/Đội có liên quan;
- ...
- Lưu: VT,....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số: **01/MTCN**
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021
 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....
 V/v đề nghị miễn tiền chậm nộp , ngày.....tháng.....năm.....

Kính gửi:.... (Tên cơ quan thuế)...

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ nhận thông báo:.....

Điện thoại:..... E-mail:.....

Ngành nghề kinh doanh chính:.....

Đề nghị.... (tên cơ quan thuế).... miễn tiền chậm nộp theo quy định tại Điều...
 Thông tư số.../.../TT-BTC ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ
 thể như sau:

1. Lý do miễn tiền chậm nộp:.....;
 2. Giá trị vật chất bị thiệt hại:... đồng;
 3. Số tiền chậm nộp đề nghị miễn:..... đồng;
 4. Tài liệu gửi kèm: (ghi rõ tên tài liệu, bản chính hay bản sao)
- (1)
- (2)

... (Tên người nộp thuế)... chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin
 nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT,...

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: 02/MTCN
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021
 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
 TÊN CƠ QUAN THUẾ
 BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-..., ngày..... tháng.....năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc miễn tiền chậm nộp đối với... (tên người nộp thuế).....

CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ/CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC THUẾ

Căn cứ Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Điều... Thông tư số.../.../TT-BTC ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ hồ sơ đề nghị miễn tiền chậm nộp của.... (tên người nộp thuế).....;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng/Đội Trưởng... (tên phòng/đội có liên quan)...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn tiền chậm nộp đối với... (tên người nộp thuế)....., mã số thuế:....., địa chỉ:.... do... (nguyên nhân được miễn tiền chậm nộp)... với số tiền là..... đồng (viết bằng chữ:.....). Trong đó:

- Tiền chậm nộp của thuế...: đồng;

- Tiền chậm nộp của thuế...: đồng;

....

Điều 2. Căn cứ vào số tiền chậm nộp được miễn nêu tại Điều 1, Phòng/Đội ... (tên Phòng/Đội có liên quan)... điều chỉnh lại số tiền chậm nộp của... (tên người nộp thuế).....

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.... (Tên người nộp thuế)..., Trưởng Phòng/Đội Trưởng... (tên phòng/đội có liên quan)... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
-
- Lưu: VT,....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số: **03/MTCN**
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021
 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
 TÊN CƠ QUAN THUẾ
 BAN HÀNH THÔNG BÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO
Về việc không chấp thuận miễn tiền chậm nộp

Căn cứ Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Điều... Thông tư số.../.../TT-BTC ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Sau khi xem xét văn bản đề nghị miễn tiền chậm nộp số..... ngày... tháng... năm... kèm theo hồ sơ đề nghị miễn tiền chậm nộp của..... (tên người nộp thuế)..., mã số thuế:....., địa chỉ nhận thông báo:.....

... (Tên cơ quan thuế)..... thông báo:

Trường hợp của... (tên người nộp thuế)... không thuộc đối tượng được miễn tiền chậm nộp. Lý do:

-

-

.....

... (Tên người nộp thuế)... có trách nhiệm nộp ngay số tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Cơ quan thuế thông báo để... (tên người nộp thuế)... được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

-... (tên người nộp thuế)...;

-.....;

- Lưu: VT....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số: 01/GHAN
(Ban hành kèm theo Thông tư số
80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....
V/v đề nghị gia hạn nộp thuế

....., ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi:.... (Tên cơ quan thuế)....

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ nhận thông báo:.....

Điện thoại:..... E-mail:.....

Ngành nghề kinh doanh chính là:.....

Đề nghị... (tên cơ quan thuế)... gia hạn nộp thuế theo quy định tại Điều...
Thông tư số.../.../TT-BTC ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ
thể như sau:

1. Lý do đề nghị gia hạn:.....

2. Giá trị vật chất bị thiệt hại, các khoản được bồi thường, bảo hiểm (đối với
trường hợp bất khả kháng); chi phí thực hiện di dời và thiệt hại do phải di dời gây
ra, các khoản được hỗ trợ, đền bù thiệt hại (đối với trường hợp di dời cơ sở sản
xuất, kinh doanh):.....

3. Số thuế và thời gian đề nghị gia hạn:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Loại thuế đề nghị gia hạn	Tiểu mục	Số tiền	Thời hạn nộp theo quy định	Thời gian đề nghị gia hạn	
					Từ ngày	Đến ngày
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Thuế...					
2	Thuế...					

STT	Loại thuế đề nghị gia hạn	Tiểu mục	Số tiền	Thời hạn nộp theo quy định	Thời gian đề nghị gia hạn	
					Từ ngày	Đến ngày
3	Tiền chậm nộp...					
...	...					
	Tổng cộng					

4. Tài liệu gửi kèm: (ghi rõ tên tài liệu, bản chính hay bản sao)

(1)

(2)

... (Tên người nộp thuế)... chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin nêu trên và cam kết nộp đầy đủ số tiền thuế nợ được gia hạn sau khi hết thời hạn gia hạn nộp thuế.

Nơi nhận:

- Như trên;

-....

- Lưu: VT,...

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **02/GHAN**
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021
 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 TÊN CƠ QUAN THUẾ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

Số: .../QĐ-...

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc gia hạn nộp thuế

CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ...
hoặc CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC THUẾ....

Căn cứ Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Điều... Thông tư số.../.../TT-BTC ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ đề nghị gia hạn nộp thuế của..... (tên người nộp thuế, mã số thuế)... tại văn bản số... ngày... tháng... năm.... và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng.../ Đội trưởng...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1... (Tên người nộp thuế, mã số thuế, địa chỉ)... được gia hạn nộp thuế, cụ thể như sau:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Loại thuế được gia hạn	Tiểu mục	Số tiền	Thời hạn nộp theo quy định	Thời gian được gia hạn	
					Từ ngày	Đến ngày
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Thuế...					
2	Thuế...					
3	Tiền chậm nộp...					
...	...					
	Tổng cộng					

Điều 2. Trong thời gian được gia hạn nộp thuế, người nộp thuế không phải nộp tiền chậm nộp. Khi hết thời gian gia hạn nộp thuế,..... (tên người nộp thuế)... phải nộp đầy đủ số tiền thuế nợ được gia hạn vào ngân sách nhà nước. Trường hợp..... (tên người nộp thuế)... không nộp hoặc nộp không đầy đủ số tiền thuế nợ được gia hạn vào ngân sách nhà nước sau khi hết thời gian gia hạn thì... (tên người nộp thuế)... sẽ bị tính tiền chậm nộp và bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký... (Tên người nộp thuế)...; Trưởng phòng..../Đội trưởng.... (các phòng/đội có liên quan) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

-....

- Lưu VT:....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

* Trường hợp có nhiều loại thuế được gia hạn, có thể lập phụ lục đính kèm Quyết định.

Mẫu số: 03/GHAN
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021
 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
 TÊN CƠ QUAN THUẾ
 BAN HÀNH THÔNG BÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO
Về việc không chấp thuận gia hạn nộp thuế

Căn cứ Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Điều.... Thông tư số.../.../TT-BTC ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Sau khi xem xét văn bản số..... ngày... tháng... năm... kèm theo hồ sơ đề nghị gia hạn nộp thuế của..... (tên người nộp thuế)....., mã số thuế:....., địa chỉ nhận thông báo:.....

... (Tên cơ quan thuế)..... thông báo:

Trường hợp của.... (tên người nộp thuế) không thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế. Lý do:

-
-

... (Tên người nộp thuế)... có trách nhiệm nộp ngay số tiền thuế nợ vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Cơ quan thuế thông báo đề... (tên người nộp thuế)... được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- ... (tên người nộp thuế)...
-;
- Lưu: VT....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
 (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

III. ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ KHOẢN NỘP THỪA

<1. Thông tin người nộp thuế đề nghị bù trừ khoản nộp thừa với khoản nợ, khoản thu phát sinh hoặc đề nghị hoàn kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước>

S T T	Thông tin khoản nợ/khoản thu phát sinh											Số tiền còn phải nộp đề nghị bù trừ với số tiền nộp thừa	Số tiền còn phải nộp sau bù trừ
	MST của NNT khác (nếu có)	Tên người nộp thuế khác (nếu có)	Nội dung khoản nợ/ phát sinh	Mã định danh khoản phải nộp (ID) (nếu có)	Chương	Tiêu mục	Tên cơ quan thu	Địa bàn hành chính	Hạn nộp	Loại tiền	Số tiền còn phải nộp		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)= (12)- (13)
Tổng cộng theo tiêu mục:													
Tổng cộng:													

<2. Thông tin người nộp thuế đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước>

Số tiền hoàn trả: Bằng số:..... đồng.

Hình thức hoàn trả:

Chuyển khoản: Tên chủ tài khoản.....

Tài khoản số:..... Tại Ngân hàng/KBNN:.....

Tiền mặt:

Tên người nhận tiền:

CMND/CCCD/HC số:..... Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:.....

Nơi nhận tiền hoàn thuế: Kho bạc Nhà nước.....

IV. TÀI LIỆU GỬI KÈM: (ghi rõ tên tài liệu, bản chính, bản sao)

1.....

2.....

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/

Ký điện tử)

Mẫu số: **01/ĐNKHT**
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021
 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN TỪ CHỐI NHẬN LẠI SỐ TIỀN NỘP THỪA

Kính gửi:.....<Tên cơ quan thuế>.....

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

1. Thông tin về khoản nộp thừa của người nộp thuế từ chối nhận lại:

S T T	Số chứng từ nộp NSNN	Ngày chứng từ nộp NSNN	Chương	Tiểu mục	Tên cơ quan thu	Loại tiền	Số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phải nộp	Số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đã nộp	Số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa
TỔNG CỘNG: (Chi tiết theo từng loại tiền)									

2. Lý do đề nghị từ chối nhận lại số tiền nộp thừa:

.....

3. Thông tin, tài liệu gửi kèm (ghi rõ tên tài liệu, bản chính, bản sao):

.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN
HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
 (Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/
 Ký điện tử)

Mẫu số: **01/TB-XLBT**
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021
 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
 TÊN CƠ QUAN THUẾ
BAN HÀNH THÔNG BÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-CT(CCT)

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO

V/v xử lý số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa theo đề nghị của người nộp thuế

Căn cứ các quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn Luật Quản lý thuế về xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa;

Căn cứ Văn bản đề nghị xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa số..... ngày.../.../..... của <Tên người nộp thuế>, <mã số thuế> đã được....<Tên cơ quan thuế> tiếp nhận ngày.../.../.....;

Trên cơ sở đối chiếu thông tin đề nghị xử lý khoản nộp thừa của người nộp thuế với dữ liệu trên hệ thống quản lý thuế của cơ quan thuế,.... <Tên cơ quan thuế> thông báo cho người nộp thuế như sau:

<Trường hợp thông tin khoản nộp thừa, khoản nợ, khoản thu phát sinh tại văn bản đề nghị của người nộp thuế khớp đúng với dữ liệu trên hệ thống quản lý thuế thì ghi:>

Cơ quan thuế đã thực hiện bù trừ khoản nộp thừa với khoản nợ, khoản thu phát sinh theo đề nghị của người nộp thuế. Thông tin nghĩa vụ thuế của người nộp thuế/người nộp thuế khác sau khi cơ quan thuế thực hiện bù trừ như sau:

I. Thông tin khoản nộp thừa được bù trừ:

STT	Nội dung khoản nộp thừa	Chương	Tiểu mục	Loại tiền	Số tiền nộp thừa vào NSNN	Số chứng từ nộp NSNN	Ngày chứng từ nộp NSNN	Số tiền nộp thừa được bù trừ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Tổng cộng theo tiểu mục:								
	Tổng cộng:							

II. Thông tin khoản nợ, khoản thu phát sinh được bù trừ:

STT	Thông tin khoản nợ/khoản thu phát sinh										Số tiền còn phải nộp đã bù trừ	Số tiền còn phải nộp sau bù trừ (nếu có)
	Mã số thuế của NNT khác (nếu có)	Tên NNT khác (nếu có)	Mã định danh khoản phải nộp (ID) (nếu có)	Chương	Tiểu mục	Tên cơ quan thu	Địa bàn hành chính	Hạn nộp	Loại tiền	Số tiền còn phải nộp		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)= (11)- (12)
	Tổng cộng theo tiểu mục:											
	Tổng cộng:											

<Trường hợp khoản nợ thừa, khoản nợ, khoản thu phát sinh tại văn bản đề nghị của người nộp thuế không thuộc trường hợp bù trừ khoản nợ thừa thì ghi:>

Cơ quan thuế không thực hiện bù trừ theo đề nghị của người nộp thuế.

Lý do: <Khoản nợ thừa, khoản nợ, khoản thu phát sinh tại văn bản đề nghị của người nộp thuế không thuộc trường hợp bù trừ khoản nợ thừa theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Thông tư số 80/2021/TT-BTC, cụ thể.....>

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với <tên cơ quan thuế, bộ phận mà người nộp thuế có thể liên hệ, địa chỉ cơ quan thuế> để được hỗ trợ.

<Tên Cơ quan thuế> thông báo để người nộp thuế được biết./.

Nơi nhận:

- <Tên, địa chỉ của NNT, CQT quản lý khoản nợ thừa, khoản nợ>;
- <Các bộ phận có liên quan>;
- Lưu: VT, Bp ban hành TB.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (1)

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/
Ký điện tử)

Ghi chú: Chữ trong dấu <> chỉ là giải thích hoặc ví dụ.

(1): Thủ trưởng cơ quan thuế hoặc thừa ủy quyền theo quy định.

Mẫu số: **02/TB-KHTNT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số
80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ
BAN HÀNH THÔNG BÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-...

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

Về việc <khoản nợ thừa không đủ điều kiện thực hiện tất toán/khoản nợ thừa quá thời hạn 10 năm>

Căn cứ quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn Luật Quản lý thuế về xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nợ thừa;

<Trường hợp khoản nợ thừa không đủ điều kiện tất toán theo quy định thì ghi:>

Ngày..... tháng..... năm, cơ quan thuế nhận được Văn bản của <Tên NNT, MST>. Sau khi đối chiếu thông tin của người nộp thuế đề nghị và thông tin quản lý trên hệ thống ứng dụng quản lý thuế của cơ quan thuế.

<Tên cơ quan thuế> thông báo về việc khoản nợ thừa theo đề nghị của người nộp thuế không đủ điều kiện thực hiện tất toán.

Lý do: <Quá thời hạn bổ sung theo Thông báo của cơ quan thuế nhưng người nộp thuế không giải trình, bổ sung thông tin.....>.

<Trường hợp khoản nợ thừa của người nộp thuế quá thời hạn 10 năm kể từ ngày nộp tiền vào ngân sách nhà nước mà người nộp thuế không bù trừ nghĩa vụ thuế và không hoàn thuế trên dữ liệu quản lý thuế thì ghi:>

Căn cứ thông tin quản lý trên Hệ thống ứng dụng quản lý thuế của cơ quan thuế đến <tháng.....>, <Tên cơ quan thuế> thông báo khoản nợ thừa quá thời hạn 10 năm kể từ ngày nộp tiền vào ngân sách nhà nước mà người nộp thuế không bù trừ nghĩa vụ thuế và không hoàn thuế theo quy định tại <Điểm c Khoản 3 Điều 60 Luật Quản lý thuế, Khoản 3 Điều 26 Thông tư số 80/2021/TT-BTC>, cụ thể: <Thông tin chi tiết khoản nợ thừa quá thời hạn 10 năm>.

<Trường hợp người nộp thuế (trừ người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký hoặc đã chấm dứt hiệu lực mã số thuế) có khoản nợ đề nghị bù trừ với khoản nộp thừa thì ghi:> Người nộp thuế hiện đang có khoản nợ như sau: <Thông tin chi tiết khoản nợ của người nộp thuế>. Người nộp thuế có văn bản gửi cơ quan thuế để đề nghị bù trừ giữa khoản nộp thừa với khoản nợ trước 15 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế ban hành Thông báo này.

<Trường hợp người nộp thuế (trừ người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký hoặc đã chấm dứt hiệu lực mã số thuế) không có khoản nợ đề nghị bù trừ với khoản nộp thừa thì ghi:> Người nộp thuế có văn bản gửi cơ quan thuế đề nghị hoàn trả khoản nộp thừa hoặc từ chối nhận lại số tiền nộp thừa trước 15 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế ban hành Thông báo này.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế gửi Thông báo cho người nộp thuế hoặc công khai trên Trang thông tin điện tử của cơ quan thuế, cơ quan thuế không nhận được phản hồi của người nộp thuế thì cơ quan thuế sẽ ban hành Quyết định không hoàn trả khoản nộp thừa theo quy định.

Trường hợp người nộp thuế cần biết thêm thông tin chi tiết, xin vui lòng truy cập theo đường dẫn <http://www.xxx.gdt.gov.vn> hoặc liên hệ với <tên cơ quan thuế, bộ phận mà người nộp thuế có thể liên hệ, địa chỉ cơ quan thuế> để được hỗ trợ.

Cơ quan thuế thông báo để người nộp thuế được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- <Tên NNT, địa chỉ của NNT, CQT quản lý khoản nộp thừa, khoản nợ>;
- <Các bộ phận có liên quan>;
- Lưu: VT, Bp ban hành TB.

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ (1)**

*(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và
đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)*

Ghi chú: Chữ trong dấu <> chỉ là giải thích hoặc ví dụ.

(1): Thủ trưởng cơ quan thuế hoặc thừa ủy quyền theo quy định.

Mẫu số: **01/QĐ-KHTNT**
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021
 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
 TÊN CƠ QUAN THUẾ RA
QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc không hoàn trả khoản nợ thừa

CHỨC DANH THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều... Thông tư số.../.../TT-BTC ngày.../.../... của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Quyết định số..... ngày..... tháng.... năm..... của..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thuế/Chi cục Thuế;

Theo đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Không hoàn trả tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nợ thừa cho <<tên người nộp thuế>, mã số thuế <> hoặc người nộp thuế theo danh sách ban hành kèm theo Quyết định này>.

Lý do và số tiền không hoàn trả:

<Trường hợp 1: Người nộp thuế có văn bản từ chối nhận lại số tiền nợ thừa theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Thông tư số 80/2021/TT-BTC thì ghi:>

Người nộp thuế đã có văn bản từ chối nhận lại số tiền nợ thừa gửi cơ quan thuế ngày.../.../... với tổng số tiền nợ thừa thực hiện tất toán, không hoàn trả theo từng loại tiền là:... <loại tiền> (viết bằng chữ:...), trong đó <chi tiết theo từng khoản nợ thừa thực hiện tất toán, không hoàn trả>: [1]

<Trường hợp 2: Người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Thông tư số 80/2021/TT-BTC thì ghi:>

- Số lượng người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký có khoản nộp thừa thực hiện tất toán, không hoàn trả:

- Tổng số tiền nộp thừa thực hiện tất toán, không hoàn trả: [2]

(Danh sách chi tiết về người nộp thuế, khoản nộp thừa thực hiện tất toán, không hoàn trả kèm theo Quyết định này)

<Trường hợp 3: Người nộp thuế có khoản nộp thừa quá thời hạn 10 năm kể từ ngày nộp tiền vào ngân sách nhà nước mà người nộp thuế không bù trừ nghĩa vụ thuế và không hoàn thuế theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Thông tư số 80/2021/TT-BTC thì ghi:>

- Số lượng người nộp thuế có khoản nộp thừa quá thời hạn 10 năm kể từ ngày nộp tiền vào ngân sách nhà nước mà người nộp thuế không bù trừ nghĩa vụ thuế và không hoàn thuế thực hiện tất toán, không hoàn trả:

- Tổng số tiền nộp thừa thực hiện tất toán, không hoàn trả: [3].....

(Danh sách chi tiết về người nộp thuế, khoản nộp thừa thực hiện tất toán, không hoàn trả kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Căn cứ vào số tiền nộp thừa thực hiện tất toán, không hoàn trả nêu tại Điều 1,..... [4]..... thực hiện tất toán, không hoàn trả khoản nộp thừa của người nộp thuế:..... đồng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Người nộp thuế và cơ quan thuế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- <CQT có khoản nộp thừa, khoản nợ, khoản thu phát sinh>
- <Các bộ phận có liên quan>;
- Lưu: VT, BP ban hành QĐ.

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ [5]**

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu
(nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú:

[1]: Ghi cụ thể thông tin khoản nộp thừa tất toán theo đề nghị của người nộp thuế đối với trường hợp NNT có văn bản từ chối nhận lại số tiền nộp thừa

[2], [3]: Ghi chi tiết số tiền nộp thừa theo tiểu mục, loại tiền

[4]: Tên cơ quan thuế có trách nhiệm thực hiện việc tất toán nghĩa vụ thuế trên hệ thống ứng dụng quản lý thuế.

[5]: Thủ trưởng cơ quan thuế hoặc thừa ủy quyền theo quy định.

Ghi chú:

[1]: Cơ quan thuế ban hành Quyết định ghi theo một hoặc các trường hợp sau:

- Người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.

- Khoản nợ thừa quá thời hạn 10 năm kể từ ngày nộp tiền vào ngân sách nhà nước mà người nộp thuế không bù trừ nghĩa vụ thuế và không hoàn thuế trên dữ liệu quản lý thuế

Nếu danh sách ban hành kèm theo Quyết định thì ghi thêm nội dung “kèm theo Quyết định số..... ngày /..... /..... của.....”

[2]: Đối với người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký, ghi số, ngày Thông báo NNT không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.

[3a]: Thông tin khoản nợ thừa của người nộp thuế tại các cơ quan thuế trên toàn quốc.

[3b]: Thông tin khoản nợ thừa của người nộp thuế tại cơ quan thuế phát sinh khoản nợ thừa (cơ quan thuế quản lý trực tiếp hoặc cơ quan thuế quản lý khoản thu).

[4]: Số tiền nợ thừa CQT thực hiện tất toán khoản nợ thừa trên hệ thống quản lý thuế.

Mẫu số: **01/HT**
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021
 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN TỔ CHỨC

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

..., ngày... tháng... năm...

GIẤY ĐỀ NGHỊ
HOÀN TRẢ KHOẢN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Kính gửi:..... <Cơ quan có thẩm quyền hoàn trả>....

I- Thông tin về tổ chức đề nghị hoàn trả:

[01] Tên người nộp thuế:.....

[02] Mã số thuế:

[03] Địa chỉ:

[04] Quận/huyện:..... [05] Tỉnh/thành phố:.....

[06] Điện thoại:..... [07] Fax:..... [08] Email:.....

[09] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[10] Mã số thuế:

[11] Hợp đồng đại lý thuế: Số:..... ngày:.....

II- Nội dung đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước (NSNN):**1. Thông tin về khoản thu đề nghị hoàn trả:**

STT	Loại thuế	Kỳ đề nghị hoàn thuế		Mã giao dịch điện tử của hồ sơ khai thuế đề nghị hoàn	Số tiền đề nghị hoàn trong kỳ (VNĐ)	Trường hợp đề nghị hoàn thuế	Ghi chú
		Từ kỳ	Đến kỳ				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tổng cộng							

2. Hình thức đề nghị hoàn trả:**2.1. Bù trừ cho khoản phải nộp NSNN:**

STT	Mã số thuế	Mã định danh khoản phải nộp (nếu có)	Cơ quan quản lý thu	Nội dung kinh tế (tiểu mục)	Kỳ thuế	Số tiền đề nghị bù trừ (VNĐ)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Cộng theo mã số thuế, cơ quan quản lý thu, nội dung kinh tế							
Tổng cộng							

2.2. Hoàn trả trực tiếp:

Hình thức hoàn trả:

- Chuyển khoản: Tên chủ tài khoản.....
Tài khoản số:..... Tại Ngân hàng (KBNN).....
- Tiền mặt:
Tên người nhận tiền:.....
CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:...../...../.....
Nơi cấp:.....
Nơi nhận tiền hoàn thuế: Kho bạc Nhà nước.....

III- Tài liệu gửi kèm: (ghi rõ tên tài liệu, bản chính, bản sao)

1.
2.

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/
Ký điện tử)**Ghi chú:**

- “Trường hợp đề nghị hoàn thuế”: Ghi rõ đề nghị hoàn trả theo quy định tại điểm, khoản, Điều của văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

- “Ghi chú” tại mục bù trừ: Ghi rõ phải nộp theo văn bản của Kiểm toán nhà nước, Thanh tra tài chính, Thanh tra chính phủ, cơ quan có thẩm quyền khác (nếu có);

Mẫu số: **02/HT**
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021
 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**GIẤY ĐỀ NGHỊ HOÀN THUẾ THEO HIỆP ĐỊNH
 TRÁNH ĐÁNH THUẾ HAI LẦN VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ KHÁC**

Kính gửi:..... (cơ quan có thẩm quyền hoàn trả)....

Hiệp định thuế/Điều ước quốc tế áp dụng:.....

Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân là đối tượng cư trú của:

Việt Nam Nước ngoài

Đề nghị đánh dấu (x) vào ô trống thích hợp:

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân được hoàn thuế:

	A. Tổ chức: <input type="checkbox"/>	B. Cá nhân: <input type="checkbox"/>												
1.	Tên đầy đủ:..... Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh <input type="checkbox"/> Hộ chiếu <input type="checkbox"/> CMND/CCCD <input type="checkbox"/> Số:..... Ngày cấp:...../...../..... tại..... Cơ quan cấp.....													
2.	Tên sử dụng trong giao dịch.....													
3.	Tư cách pháp lý <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 40%;">Pháp nhân</td> <td style="width: 10%; text-align: center;"><input type="checkbox"/></td> <td style="width: 40%;">Cá nhân hành nghề độc lập</td> <td style="width: 10%; text-align: center;"><input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td>Liên danh không tạo pháp nhân</td> <td style="text-align: center;"><input type="checkbox"/></td> <td>Cá nhân hành nghề phụ thuộc</td> <td style="text-align: center;"><input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td>Khác</td> <td style="text-align: center;"><input type="checkbox"/></td> <td></td> <td></td> </tr> </table> Nêu rõ:.....		Pháp nhân	<input type="checkbox"/>	Cá nhân hành nghề độc lập	<input type="checkbox"/>	Liên danh không tạo pháp nhân	<input type="checkbox"/>	Cá nhân hành nghề phụ thuộc	<input type="checkbox"/>	Khác	<input type="checkbox"/>		
Pháp nhân	<input type="checkbox"/>	Cá nhân hành nghề độc lập	<input type="checkbox"/>											
Liên danh không tạo pháp nhân	<input type="checkbox"/>	Cá nhân hành nghề phụ thuộc	<input type="checkbox"/>											
Khác	<input type="checkbox"/>													
4.1.	Địa chỉ tại Việt Nam:..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:..... Địa chỉ trên là: Trụ sở chính <input type="checkbox"/> Nhà ở thường trú <input type="checkbox"/> Khác <input type="checkbox"/> Nêu rõ:.....													
4.2.	Địa chỉ giao dịch tại Việt Nam (nếu khác với địa chỉ nêu trên)..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....													
5.	Quốc tịch: <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 33%; text-align: center;">Việt Nam <input type="checkbox"/></td> <td style="width: 33%; text-align: center;">Nước ký kết <input type="checkbox"/></td> <td style="width: 34%; text-align: center;">Nước khác <input type="checkbox"/>.....</td> </tr> </table>		Việt Nam <input type="checkbox"/>	Nước ký kết <input type="checkbox"/>	Nước khác <input type="checkbox"/>									
Việt Nam <input type="checkbox"/>	Nước ký kết <input type="checkbox"/>	Nước khác <input type="checkbox"/>												
6.	Mã số thuế tại Việt Nam (nếu có):.....													

7.1.	Địa chỉ tại Nước ký kết:..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:..... Địa chỉ trên là: <i>Văn phòng đại diện</i> <input type="checkbox"/> <i>Cơ sở thường trú</i> <input type="checkbox"/> <i>Nơi làm việc</i> <input type="checkbox"/> <i>Nơi lưu trú</i> <input type="checkbox"/> <i>Khác</i> <input type="checkbox"/> <i>Nêu rõ:</i>
7.2.	Địa chỉ giao dịch tại Nước ký kết (<i>nếu khác với địa chỉ nêu trên</i>):..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....
8.	Mã số thuế tại Nước ký kết (nếu có):.....
9.	Thời gian có mặt tại Việt Nam hoặc thực hiện hoạt động tại Việt Nam (đối với các tổ chức, cá nhân là đối tượng cư trú của nước ngoài):.....

II. Đại diện được ủy quyền¹:

1.	Tên đầy đủ:..... <i>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh</i> <input type="checkbox"/> <i>Hộ chiếu</i> <input type="checkbox"/> <i>CMND/CCCD</i> <input type="checkbox"/> Số:..... Ngày cấp:...../...../..... tại..... Cơ quan cấp.....																
2.	Địa chỉ:..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....																
3.	Mã số thuế (nếu có):.....																
4.	Tư cách pháp lý <table border="1"> <tr> <td><i>Pháp nhân</i></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><i>Cá nhân hành nghề phụ thuộc</i></td> <td><input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td><i>Liên danh không tạo pháp nhân</i></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td><i>Khác</i></td> <td><input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td></td> <td></td> <td><i>Nêu rõ:</i>.....</td> <td></td> </tr> <tr> <td><i>Đại lý thuế (nếu có)</i></td> <td><input type="checkbox"/></td> <td></td> <td></td> </tr> </table>	<i>Pháp nhân</i>	<input type="checkbox"/>	<i>Cá nhân hành nghề phụ thuộc</i>	<input type="checkbox"/>	<i>Liên danh không tạo pháp nhân</i>	<input type="checkbox"/>	<i>Khác</i>	<input type="checkbox"/>			<i>Nêu rõ:</i>		<i>Đại lý thuế (nếu có)</i>	<input type="checkbox"/>		
<i>Pháp nhân</i>	<input type="checkbox"/>	<i>Cá nhân hành nghề phụ thuộc</i>	<input type="checkbox"/>														
<i>Liên danh không tạo pháp nhân</i>	<input type="checkbox"/>	<i>Khác</i>	<input type="checkbox"/>														
		<i>Nêu rõ:</i>															
<i>Đại lý thuế (nếu có)</i>	<input type="checkbox"/>																

III. Nội dung đề nghị hoàn thuế:1. *Năm đề nghị áp dụng Hiệp định thuế/Điều ước quốc tế:*.....2. *Số thu nhập thuộc diện miễn, giảm theo Điều:*.....

STT	Loại thuế	Kỳ đề nghị hoàn thuế	Số tiền đã nộp (VNĐ)	Số tiền đề nghị hoàn trong kỳ (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Tổng cộng				

¹ Trường hợp người nộp thuế ủy quyền cho đại diện hợp pháp thực hiện thủ tục áp dụng Hiệp định thuế/Điều ước quốc tế, bên ủy quyền và bên được ủy quyền phải thực hiện các quy định về công chứng và chứng thực của pháp luật hiện hành, đồng thời bên được ủy quyền phải kê khai đầy đủ các thông tin tại phần 1 và 2 của Giấy đề nghị này.

3. Hình thức đề nghị hoàn trả:**3.1. Bù trừ cho khoản phải nộp ngân sách nhà nước (NSNN):**

STT	Mã số thuế	Mã định danh khoản phải nộp (ID)	Cơ quan quản lý thu	Địa bàn hạch toán thu NS	Nội dung kinh tế (tiêu mục)	Kỳ thuế	Số tiền đề nghị bù trừ (VNĐ)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Cộng theo mã số thuế, cơ quan quản lý thu, nội dung kinh tế, kỳ thuế								
Tổng cộng								

3.2. Hoàn trả trực tiếp:

- Chuyển khoản: Tên tổ chức/người nhận tiền.....
Tài khoản số:..... Tại Ngân hàng (KBNN).....
- Tiền mặt:
Tên người nhận tiền:.....
CMND/CCCD/HC số:..... Ngày cấp:...../...../.....
Nơi cấp:.....
Nơi nhận tiền hoàn thuế: Kho bạc Nhà nước.....

IV. Thông tin về giao dịch phát sinh thu nhập liên quan đến số thuế đề nghị áp dụng Hiệp định thuế/Điều ước quốc tế:**4.1. Giải trình tóm tắt về giao dịch:**

.....

4.2. Giải trình khác:

.....

4.3. Tài liệu gửi kèm (ghi rõ tên tài liệu, bản chính, bản sao):

1.....

2.....

Tôi cam kết các thông tin và tài liệu đã cung cấp là trung thực và đầy đủ và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin và tài liệu này./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu
(nếu có)/Ký điện tử)

<Trường hợp đề nghị hoàn thuế theo Điều ước quốc tế khác thì thực hiện thêm phần sau:>

PHẦN DÀNH CHO CƠ QUAN ĐỀ XUẤT KÝ KẾT ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

Tên Cơ quan:.....

Xác nhận:

1. (Tên Điều ước quốc tế)..... được ký ngày.../.../..... Cho đến nay.....
(Tên Điều ước quốc tế)..... đã hết/vẫn còn hiệu lực thi hành.

2. Các khoản thu nhập của..... (Tên nhà thầu nước ngoài)....., địa chỉ:.....
tại Hợp đồng (Tên hợp đồng kinh tế ký kết giữa nhà thầu nước ngoài và Bên Việt Nam)
(đề nghị liệt kê chi tiết các khoản thu nhập nhà thầu nước ngoài thu được từ Hợp đồng
ký với Bên Việt Nam - nếu có) được quy định tại Điều..., Khoản... của Hợp đồng thuộc
phạm vi miễn, giảm thuế quy định tại Điều..., Khoản... của Điều ước quốc tế nêu trên.

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số: **01-1/HT**
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021
 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ HÓA ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ MUA VÀO

(Kèm theo Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu NSNN số... ngày... tháng... năm...)

[01] Kỳ đề nghị hoàn thuế: Từ kỳ..... đến kỳ.....

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế:

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[05] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: *Đồng Việt Nam*

STT	Hóa đơn, chứng từ nộp thuế				Tên người bán	Mã số thuế người bán	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Giá trị HHDV mua vào chưa có thuế GTGT	Thuế suất (%)	Tiền thuế GTGT	Ghi chú
	Mẫu số	Ký hiệu	Số	Ngày, tháng, năm										
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
Tổng cộng														

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
 Họ và tên:.....
 Chứng chỉ hành nghề số:.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
 ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
 (Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu
 (nếu có)/Ký điện tử)

Mẫu số: **01-3a/HT**
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021
 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**BẢNG KÊ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (GTGT) CỦA HÀNG HÓA, DỊCH VỤ
 MUA VÀO DÙNG CHO CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NGOẠI GIAO (*)**

(Kèm theo Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu NSNN số..... ngày.....)

Form No: 01-3a/HT

***A list of Value-added Tax (VAT) refund over goods and services purchased by
 Diplomatic Missions, Consular posts, Representative Offices of International
 organizations in Vietnam (*)***

(Attached to the Notice of proposal for Refund of tax collected No..... dated.....)

- Cơ quan đại diện (Mission):.....
- Trụ sở tại (address):.....
- Mã số thuế (tax code):.....
- Hàng hóa, dịch vụ hoặc xăng xe mua trong quý..... năm..... (Goods, services and petrol purchased in Quarter.../Year....)

Đơn vị tiền (currency unit): **Đồng Việt Nam (Vietnamese dong)**

Số TT (No)	Hóa đơn (Invoice)				Tên nhà cung cấp (Supplier's name)	Mã số thuế nhà cung cấp (Tax code)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of purchased goods & services)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Doanh số mua chưa có thuế GTGT (Purchased price without VAT)	Tiền thuế GTGT (Refundable tax)
	Mẫu số (Template no)	Ký hiệu (Symbol)	Số (No)	Ngày, tháng, năm phát hành (Date of release)							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
I	Hàng hóa, dịch vụ dùng cho cơ quan hoặc xăng dùng cho xe cơ quan (Goods, services and petrol for official use)										
I.1	Hàng hóa, dịch vụ dùng cho cơ quan (Goods, services used for official use)										
I.2	Xăng dùng cho xe cơ quan mang biển số (**): (No of Vehicle Plate for official use)										
Cộng (I.1+I.2) (Total (I.1+I.2))											
II	Hàng hóa, dịch vụ dùng cho cá nhân hoặc xăng dùng cho xe cá nhân của viên chức ngoại giao...(***) (Goods, services or petrol for personal use of diplomatic agent)										
II.1	Hàng hóa, dịch vụ dùng cho cá nhân (Goods, services for personal use)										
II.2	Xăng dùng cho xe cá nhân mang biển số (**): (No of Vehicle Plate for personal use).										
Cộng (II.1+II.2) Total (II.1+II.2)											
Tổng cộng (I+II) Total (I+II)											

- Đề nghị được hoàn thuế GTGT như sau (*Claim VAT refund as follows*)

a. Hoàn thuế GTGT vào tài khoản số..... tại ngân hàng..... cho hàng hóa, dịch vụ hoặc xăng xe dùng cho cơ quan, số tiền:..... đồng.

(*VAT refund for Goods, services and petrol for official use with amount of..... to bank account number.... at Bank:*

b. Hoàn thuế GTGT cho hàng hóa, dịch vụ hoặc xăng xe dùng cho cá nhân của viên chức ngoại giao, số tiền:..... đồng (chi tiết số tiền thuế đề nghị hoàn và tài khoản nhận tiền hoàn thuế theo bảng kê 01-3b đính kèm).

(*VAT refund for Goods, services and petrol for personal use of diplomatic agents with amount of..... (Details of VAT refund amount and bank of receiver in Form No: 01-3b attached)*

**TRƯỞNG CƠ QUAN ĐẠI DIỆN hoặc
PHÓ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐẠI DIỆN KÝ XÁC NHẬN,
ĐÓNG DẤU**

(Signed by Head or Deputy Head of Mission and stamp)

Cục Lễ tân Nhà nước trực thuộc Bộ Ngoại giao xác nhận người khai:

1. Được hoàn thuế GTGT đối với:

- Xăng, dầu diesel theo tiêu chuẩn định lượng dành cho xe cơ quan và xe cá nhân mang biển số nêu trên.

- Hàng hóa, dịch vụ nêu trên trừ những hàng hóa dịch vụ mua trong hóa đơn số:

2. Số tiền được hoàn:..... đồng, trong đó:

- Cho cơ quan:..... đồng.

- Cho cá nhân:..... đồng (chi tiết số tiền thuế được hoàn theo xác nhận tại bảng kê 01-3b đính kèm).

The Protocol Department-MOFA certifies that:

1. *the Mission enjoys VAT refund for:*

- *over carburant according to the Mission's vehicle quota for the above mentioned official and personal Vehicle Plate No*

- *over goods or services mentioned above except for those of invoice(s) No:.....*

2. *VAT refund amount:, of which:*

- *For office:*

- *For individuals:..... (details of VAT refund amount in Form No: 01-3b attached)*

....., ngày... tháng... năm...

....., date... month... year..

CỤC TRƯỞNG CỤC LỄ TÂN NHÀ NƯỚC

Director of Protocol Department

Ghi chú (Note):

(*) Cơ quan lãnh sự, Cơ quan đại diện của Tổ chức Quốc tế tại Việt Nam khai và gửi Cục Lễ tân Nhà nước trực thuộc Bộ Ngoại giao 3 bản. *(Diplomatic Missions, Consular posts, Representative Offices of International organizations in Vietnam declare and send 03 copies of this form to the Protocol Department-MOFA)*

(**) Trong trường hợp đề nghị hoàn thuế GTGT cho xăng xe ô-tô thì khai riêng xăng dùng cho từng xe. *(Please fill in separate application per vehicle in case the Mission request to refund VAT over carburant for vehicle)*

(***) Trong trường hợp đề nghị hoàn thuế GTGT cho viên chức ngoại giao thì khai riêng đối với từng viên chức ngoại giao. *(Please fill in separate application per diplomatic agent in case the Mission request to refund VAT for diplomatic agent)*

Mẫu số: **01-3b/HT**
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021
 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
VIÊN CHỨC NGOẠI GIAO THUỘC ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HOÀN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Kèm theo Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu NSNN số..... ngày.....)

A list of diplomatic agents eligible for VAT refund

(Attached to the Notice of proposal for Refund of tax collected No..... dated.....)

Tên cơ quan: (Mission)..... Đơn vị tiền (currency unit): **Đồng Việt Nam (Vietnamese dong)**

STT (No)	Tên cá nhân (Name of individual)	Chức vụ (Designation)	Thông tin hộ chiếu (Passport details)				Thông tin nhận tiền hoàn trả (Refund receiver details)			Số tiền thuế GTGT đề nghị hoàn (Amount of VAT refund claimed)	Số tiền thuế GTGT Cục Lễ tân xác nhận được hoàn (Amount of VAT refund approved by the Protocol Department- MOFA)
			Số (No)	Ngày cấp (Date of issue)	Ngày hết hạn (Date of expiry)	Quốc tịch (Nationality)	Số tài khoản (Bank account No)	Tên chủ tài khoản (Name of sccount holder)	Tại ngân hàng (Name of Bank)		

...., ngày... tháng... năm.....
 (... , date... month... year...)

TRƯỞNG CƠ QUAN ĐẠI DIỆN hoặc

PHÓ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐẠI DIỆN KÝ XÁC NHẬN, ĐÓNG DẤU

(Signed by Head or Deputy Head of Mission and stamp)

...., ngày... tháng... năm.....
 (... , date... month... year...)

CỤC TRƯỞNG CỤC LỄ TÂN NHÀ NƯỚC

(Director of Protocol Department)

Mẫu số: **01/TB-HT**
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021
 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 TÊN CƠ QUAN THUẾ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
 BAN HÀNH THÔNG BÁO

Số:...../TB -...

..., ngày... tháng... năm...

THÔNG BÁO

Về việc tiếp nhận <hồ sơ đề nghị hoàn thuế/hồ sơ đề nghị hủy hồ sơ đề nghị hoàn thuế>

Căn cứ <Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu Ngân sách Nhà nước/Văn bản đề nghị hủy hồ sơ đề nghị hoàn thuế> số... ngày... tháng... năm... và các tài liệu kèm theo của <Tên người nộp thuế, mã số thuế> gửi đến cơ quan thuế lúc... giờ... phút ngày... tháng... năm..., cơ quan thuế thông báo về việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị hoàn thuế của người nộp thuế như sau:

- Ngày cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ: ngày... tháng... năm...

- Mã giao dịch điện tử của hồ sơ (nếu có):.....

- Hồ sơ đề nghị hoàn thuế/hồ sơ đề nghị hủy hồ sơ đề nghị hoàn thuế sẽ được cơ quan thuế tiếp tục kiểm tra và trả Thông báo chấp nhận hay không chấp nhận trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ đề nghị hoàn thuế/hồ sơ đề nghị hủy hồ sơ đề nghị hoàn thuế của người nộp thuế.

Nếu có vướng mắc, xin vui lòng truy cập theo đường dẫn <http://www.xxx.gdt.gov.vn> hoặc liên hệ với <tên cơ quan thuế giải quyết hồ sơ> để được hỗ trợ.

Số điện thoại:.....

Địa chỉ:...../.

Cơ quan thuế thông báo để <Tên người nộp thuế> biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- <Tên NNT, địa chỉ của NNT>

-.....;

- Lưu VT,...

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (1)

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/

Ký điện tử)

Ghi chú: Phần nội dung ghi trong dấu < > chỉ là giải thích hoặc ví dụ, cơ quan thuế căn cứ vào hồ sơ cụ thể để điền thông tin tương ứng.

(1): Tổng cục Thuế/Người có thẩm quyền hoặc được phân công theo quy định.

Mẫu số: **02/TB-HT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số
80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TÊN CƠ QUAN THUẾ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
BAN HÀNH THÔNG BÁO

Số:...../TB -...

..., ngày... tháng... năm...

THÔNG BÁO

**Về việc <chấp nhận/không chấp nhận> <Văn bản đề nghị hoàn thuế/
Hồ sơ đề nghị hủy hồ sơ đề nghị hoàn thuế>**

<Đối với Hồ sơ đề nghị hoàn thuế>

Căn cứ <Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu Ngân sách Nhà nước/Văn bản đề nghị xử lý khoản nộp thừa>, <mã giao dịch điện tử (nếu có)> số... ngày... tháng... năm... và các tài liệu gửi kèm theo của <Tên người nộp thuế, mã số thuế> đã được cơ quan thuế tiếp nhận ngày... tháng... năm...

Cơ quan thuế thông báo về việc <chấp nhận/không chấp nhận> hồ sơ đề nghị hoàn thuế của <Tên người nộp thuế> như sau:

- Ngày cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ đề nghị hoàn thuế: ngày... tháng... năm ...
- Phân loại hồ sơ đề nghị hoàn thuế: <hồ sơ hoàn thuế trước hoặc hồ sơ kiểm tra trước, hoàn thuế sau>
- Thời gian hẹn trả kết quả giải quyết hồ sơ hoàn thuế: <06 ngày làm việc hoặc 40 ngày> kể từ ngày cơ quan thuế chấp nhận hồ sơ của người nộp thuế.

<Lý do không chấp nhận hồ sơ đề nghị hoàn thuế của người nộp thuế>

Trường hợp hồ sơ cần giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế sẽ có thông báo gửi đến người nộp thuế.

Người nộp thuế có tài khoản thuế điện tử theo dõi kết quả giải quyết theo mã giao dịch điện tử của hồ sơ đề nghị hoàn trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

<Đối với Văn bản đề nghị hủy hồ sơ đề nghị hoàn thuế>

Căn cứ Văn bản đề nghị hủy hồ sơ đề nghị hoàn thuế số... ngày... tháng... năm... của <Tên người nộp thuế, mã số thuế> đã được cơ quan thuế tiếp nhận ngày... tháng... năm...

Cơ quan thuế thông báo về việc <chấp nhận/không chấp nhận> văn bản đề nghị hủy hồ sơ đề nghị hoàn thuế của <Tên người nộp thuế> như sau:

<Chấp nhận/không chấp nhận> Văn bản đề nghị hủy hồ sơ đề nghị hoàn thuế số... ngày... tháng... năm... của <Tên người nộp thuế>

<Lý do không chấp nhận đề nghị hủy hồ sơ của người nộp thuế>

Trường hợp người nộp thuế cần biết thêm thông tin chi tiết, xin vui lòng <truy cập theo đường dẫn <http://www.xxx.gdt.gov.vn> trường hợp hồ sơ tiếp nhận qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế> hoặc liên hệ với <Tên cơ quan thuế> để được hỗ trợ.

Số điện thoại:.....

Địa chỉ:.....

Cơ quan thuế thông báo để <Tên người nộp thuế> biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- <Tên NNT, địa chỉ của NNT>;
-;
- Lưu VT,...

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (1)

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu
(nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú: Phần nội dung ghi trong dấu < > chỉ là giải thích hoặc ví dụ, cơ quan thuế căn cứ vào hồ sơ cụ thể để điền thông tin tương ứng.

(1): Thủ trưởng cơ quan thuế hoặc thừa ủy quyền theo quy định.

Mẫu số: **02-1/HT**
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021
 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ NỘP THUẾ

(Áp dụng đối với trường hợp đề nghị hoàn thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần và Điều ước quốc tế khác/trường hợp tổ chức, cá nhân trả thu nhập hoàn thuế TNCN khi quyết toán.

Kèm theo Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu NSNN số... ngày... tháng... năm...)

[01] Kỳ đề nghị hoàn: Từ kỳ..... đến kỳ.....

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế:

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[05] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Số chứng từ	Ngày chứng từ	Ngân hàng/Kho bạc nhà nước nơi nộp thuế	Tiểu mục	Kỳ thuế (nếu có)	Số thuế đã nộp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Tổng cộng:						

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu
(nếu có)/Ký điện tử)

Mẫu số: **03/TB-HT***(Ban hành kèm theo Thông tư số
80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
 TÊN CƠ QUAN THUẾ BAN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
HÀNH THÔNG BÁO

Số:...../TB -...

..., ngày... tháng... năm...

THÔNG BÁO
Về việc hồ sơ không đúng thủ tục

Ngày... tháng... năm..., <Tên cơ quan Thuế> nhận được <Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu NSNN/Vấn bản đề nghị xử lý khoản nộp thừa> số... ngày... tháng... năm... của <Tên người nộp thuế, mã số thuế> và hồ sơ gửi kèm theo.

Căn cứ Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành quy định tại <ghi rõ điều, khoản, tên văn bản quy định thủ tục hồ sơ hoàn thuế có liên quan> và lý do đề nghị hoàn trả của người nộp thuế, cơ quan Thuế thông báo:

Hồ sơ đề nghị hoàn thuế của người nộp thuế không đúng thủ tục.

Lý do:.....

Cơ quan Thuế thông báo để người nộp thuế bổ sung đủ thủ tục hồ sơ theo quy định.

Nếu có vướng mắc, xin vui lòng truy cập theo đường dẫn <http://www.xxx.gdt.gov.vn> hoặc liên hệ với <tên cơ quan thuế giải quyết hồ sơ> để được hỗ trợ.

Số điện thoại:.....

Địa chỉ:.....

Cơ quan thuế thông báo để <Tên người nộp thuế> biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- <Tên NNT, địa chỉ của NNT>;

-.....;

- Lưu: VT,....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (1)

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/

Ký điện tử)

Ghi chú: Phần nội dung ghi trong dấu < > chỉ là giải thích hoặc ví dụ, cơ quan thuế căn cứ vào hồ sơ cụ thể để điền thông tin tương ứng.

(1): Thủ trưởng cơ quan thuế hoặc thừa ủy quyền theo quy định.

Nếu có vướng mắc, xin vui lòng truy cập theo đường dẫn <http://www.xxx.gdt.gov.vn> hoặc liên hệ với <Tên cơ quan thuế giải quyết hồ sơ> để được hỗ trợ.

Số điện thoại:.....

Địa chỉ:...../.

Cơ quan thuế thông báo để <Tên người nộp thuế> biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- <Tên NNT, địa chỉ của NNT>;

-.....;

- Lưu VT,...

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (1)

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/

Ký điện tử)

Ghi chú: Phần nội dung ghi trong dấu < > chỉ là giải thích hoặc ví dụ, cơ quan thuế căn cứ vào hồ sơ cụ thể để điền thông tin tương ứng.

(1): Thủ trưởng cơ quan thuế hoặc thừa ủy quyền theo quy định.

Mẫu số: **05/TB-HT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số
80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TÊN CƠ QUAN THUẾ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
BAN HÀNH THÔNG BÁO

Số:...../TB -...

..., ngày... tháng... năm...

THÔNG BÁO
Về việc chuyển hồ sơ sang diện kiểm tra trước hoàn thuế

Cơ quan Thuế nhận được <Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu NSNN/Văn bản đề nghị xử lý khoản nộp thừa>, <mã giao dịch điện tử (nếu có)> số... ngày... tháng... năm... của <Tên người nộp thuế, mã số thuế> và hồ sơ gửi kèm theo.

Căn cứ Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành, cơ quan Thuế thông báo hồ sơ đề nghị hoàn thuế của <Tên người nộp thuế> thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế.

Lý do: <nêu rõ trường hợp thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế và giải thích nếu có>

Thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế là 40 ngày kể từ ngày cơ quan Thuế có Thông báo chấp nhận hồ sơ hoàn thuế.

Nếu có vướng mắc, xin vui lòng truy cập theo đường dẫn <http://www.xxx.gdt.gov.vn> hoặc liên hệ với <Tên cơ quan thuế giải quyết hồ sơ> để được hỗ trợ.

Số điện thoại:.....

Địa chỉ:...../.

Nơi nhận:

- <Tên NNT, địa chỉ của NNT>;
-;
- Lưu VT,...

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (1)

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/
Ký điện tử)

Ghi chú: Phần nội dung ghi trong dấu < > chỉ là giải thích hoặc ví dụ, cơ quan thuế căn cứ vào hồ sơ cụ thể để điền thông tin tương ứng.

(1): Thủ trưởng cơ quan thuế hoặc thừa ủy quyền theo quy định.

Mẫu số: **01/QĐHT**
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021
 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TÊN CƠ QUAN THUẾ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

Số:...../QĐ -...

..., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc hoàn thuế

CHỨC DANH THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ các Luật thuế, Luật phí và lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành;

*Căn cứ Quyết định số..... ngày... tháng... năm... của.....
 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của <Tổng cục
 Thuế/Cục Thuế/Chi cục Thuế>;*

*Căn cứ <Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu Ngân sách Nhà nước/Văn bản đề
 nghị xử lý khoản nộp thừa>, <mã giao dịch điện tử (nếu có)> số... ngày... tháng...
 năm... và các tài liệu kèm theo của: <Tên người nộp thuế, mã số thuế>;*

Theo đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hoàn trả cho:... <Tên người nộp thuế>.....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:.....

Tổng số tiền thuế là:..... đồng

(bằng chữ:.....).

Trong đó:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tiểu mục	Kỳ hoàn	Số tiền thuế được hoàn	Trường hợp hoàn thuế
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Tổng cộng				

<Chi tiết số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa được hoàn trả tại Phụ lục số 01/PL-HTNT kèm theo (đối với trường hợp hoàn nộp thừa)>

Hình thức hoàn trả:

- Chuyển khoản: Tên chủ tài khoản.....
Số tài khoản:..... Tại Ngân hàng (KBNN).....
- Tiền mặt:
Tên người nhận tiền:.....
CMND/CCCD/Hộ chiếu Số:..... Ngày cấp:../.../... Nơi cấp:.....
Nơi nhận tiền hoàn thuế: Kho bạc Nhà nước.....

Điều 2. Trả tiền lãi cho thời gian <ghi rõ số ngày> chậm giải quyết hồ sơ hoàn thuế của cơ quan thuế là..... đồng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

<Tên người nộp thuế>, <Trưởng các bộ phận liên quan của cơ quan thuế> chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- KK,.....;
- Lưu VT,...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH**

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Ghi chú: Phần nội dung ghi trong dấu < > chỉ là giải thích hoặc ví dụ, cơ quan thuế căn cứ vào hồ sơ cụ thể để điền thông tin tương ứng.

- “Kỳ hoàn”: Ghi rõ từ kỳ đến kỳ đối với trường hợp kỳ hoàn thuế kéo dài trên 1 kỳ thuế;

- “Trường hợp hoàn thuế”: Ghi rõ đề nghị hoàn trả theo quy định tại điểm, khoản, Điều của văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

- KBNN: Kho bạc Nhà nước

Mẫu số: **01/PL-HTNT**
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021
 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phụ lục

SỐ TIỀN THUẾ, TIỀN CHẠM NỘP, TIỀN PHẠT NỘP THỪA ĐƯỢC HOÀN TRẢ

(Ban hành kèm theo Quyết định số..../QĐ-... ngày... tháng... năm... của....)

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Nội dung khoản nộp thừa	Mã định danh khoản phải nộp (ID)	Chương	Tiêu mục	Kỳ thuế (nếu có)	Tên cơ quan thu	Địa bàn hành chính	Số tiền phải nộp	Số tiền đã nộp vào NSNN	Số chứng từ nộp NSNN	Ngày chứng từ nộp NSNN	Số tiền nộp thừa được hoàn trả
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(10)-(9)
Tổng cộng theo tiêu mục:												
Tổng cộng:												

Mẫu số: **02/QĐHT**
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021
 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
 TÊN CƠ QUAN THUẾ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

Số:...../QĐ -...

..., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc hoàn thuế kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước

CHỨC DANH THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ các Luật thuế, Luật phí và lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số..... ngày... tháng... năm... của..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của <Tổng cục Thuế/Cục Thuế/Chi cục Thuế>;

Căn cứ <Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu NSNN/Văn bản đề nghị xử lý khoản nộp thừa>, <mã giao dịch điện tử (nếu có)> số... ngày... tháng... năm... và các tài liệu kèm theo của:... <Tên người nộp thuế, mã số thuế>...;

Theo đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hoàn trả cho:.....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:.....

Tổng số tiền thuế là:..... đồng
 (bằng chữ:.....).

Trong đó:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tiểu mục	Kỳ hoàn	Số tiền thuế được hoàn	Trường hợp hoàn thuế
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Tổng cộng				

<Chi tiết số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa được hoàn trả tại Phụ lục số 01/PL-HTNT kèm theo (đối với trường hợp hoàn nộp thừa)>

Điều 2. Phân bù trừ với các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước (NSNN)

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Mã số thuế	Tiểu mục	Cơ quan quản lý thu được bù trừ	Số tiền bù trừ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Tổng cộng				

<Chi tiết số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt được bù trừ tại Phụ lục số 01/PL-BT kèm theo>

Điều 3. Phần còn lại được hoàn trả sau khi bù trừ với các khoản còn phải nộp Ngân sách Nhà nước:..... đồng (*bằng chữ:.....*)

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tiểu mục	Kỳ hoàn	Số tiền thuế được hoàn
(1)	(2)	(3)	(4)
Tổng cộng			

<Chi tiết số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa còn lại được hoàn trả sau khi bù trừ với các khoản còn phải nộp Ngân sách Nhà nước tại Phụ lục số 01/PL-HTNT kèm theo (đối với trường hợp hoàn nộp thừa)>

Hình thức hoàn trả:

Chuyển khoản: Tên chủ tài khoản.....

Số tài khoản:..... Tại Ngân hàng (KBNN).....

Tiền mặt:

Tên người nhận tiền:.....

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:../.../... Nơi cấp:.....

Nơi nhận tiền hoàn thuế: Kho bạc Nhà nước.....

Điều 4. Trả tiền lãi cho thời gian <ghi rõ số ngày> chậm giải quyết hồ sơ hoàn thuế của cơ quan thuế là..... đồng.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

<Tên người nộp thuế>, <Trưởng các bộ phận liên quan của cơ quan thuế> chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- KK,.....;
- Lưu VT,...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ

BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

*(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu
(nếu có)/Ký điện tử*

Ghi chú:

- Phần nội dung ghi trong dấu < > chỉ là giải thích hoặc ví dụ, cơ quan thuế căn cứ vào hồ sơ cụ thể để điền thông tin tương ứng.

- “Kỳ hoàn”: Ghi rõ từ kỳ đến kỳ đối với trường hợp kỳ hoàn thuế kéo dài trên 1 kỳ tính thuế;

- “Trường hợp hoàn thuế”: Ghi rõ đề nghị hoàn trả theo quy định tại điểm, khoản, Điều của văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

- NSNN: Ngân sách Nhà nước

- KBNN: Kho bạc Nhà nước

Mẫu số: **01/PL-BT**
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021
 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Phụ lục

SỐ TIỀN THUẾ, TIỀN CHẠM NỢP, TIỀN PHÁT PHẢI NỢP ĐƯỢC BÙ TRỪ

(Ban hành kèm theo Quyết định số.../QĐ-... ngày... tháng... năm... của....)

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Thông tin khoản nợ/khoản thu phát sinh										Số tiền còn phải nộp đã bù trừ với số tiền nộp thừa	Số tiền còn phải nộp sau bù trừ (13)=(11)-(12)	
	Mã số thuế	Tên người nộp thuế khác (nếu có)	Nội dung khoản nợ/phát sinh	Mã định danh khoản phải nộp ID (nếu có)	Chương	Tiêu mục	Tên cơ quan thu	Địa bàn hành chính	Hạn nộp	Số tiền còn phải nộp			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(11)-(12)	
Tổng cộng theo tiêu mục:													
Tổng cộng:													

Mẫu số: **03/QĐ-THH**
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021
 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TÊN CƠ QUAN THUẾ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

Số:...../QĐ -...

..., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thu hồi hoàn thuế

CHỨC DANH THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ các Luật thuế, Luật phí và lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số..... ngày... tháng... năm... của..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của <Tổng cục Thuế/Cục Thuế/Chi cục Thuế>;

Căn cứ <Biên bản kiểm tra thuế ký ngày... tháng... năm... và các tài liệu kèm theo> của: <Tên người nộp thuế, mã số thuế>;

Theo đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi tiền hoàn thuế đối với: <Tên người nộp thuế>

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:.....

Tổng số tiền thuế là:..... đồng

(bằng chữ:.....).

Trong đó:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Quyết định hoàn thuế		Tài khoản ngân sách	Tiểu mục	Số tiền thuế đã được hoàn	Ngày ngân sách hoàn trả	Số tiền thu hồi hoàn thuế	Tiền chậm nộp		Lý do thu hồi hoàn
	Số	Ngày						Tiểu mục	Số tiền	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(9)	(10)	(11)	(12)
	Tổng cộng									

Đề nghị <Tên người nộp thuế > nộp số tiền thu hồi hoàn thuế vào tài khoản ngân sách số:..... của KBNN: <Tên kho bạc nhà nước> tỉnh, thành phố mở tại ngân hàng: <Tên ngân hàng thương mại nơi kho bạc nhà nước mở tài khoản>, Chương:....., Tiểu mục nêu trên.

Điều 2. Tiền chậm nộp của <Tên người nộp thuế> theo quy định tại <Điều 59 Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành> được tính đến hết ngày.... tháng.... năm....., số ngày..... số tiền..... đồng.

Đề nghị <Tên người nộp thuế> tự tính và nộp số tiền chậm nộp tiền thuế từ sau ngày.... đến thời điểm thực nộp số tiền thu hồi hoàn thuế vào ngân sách nhà nước theo quy định vào tài khoản thu NSNN số..... của KBNN: <Tên kho bạc nhà nước> tỉnh, thành phố..... mở tại ngân hàng: <Tên ngân hàng thương mại nơi kho bạc nhà nước mở tài khoản> theo Tiểu mục nêu trên.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

<Tên người nộp thuế>, <Trưởng các bộ phận liên quan của cơ quan thuế>, <Tên Kho bạc nhà nước> chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- KK,.....;
- Lưu VT,...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ

BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

*(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu
(nếu có)/Ký điện tử)*

Ghi chú: Phần nội dung ghi trong dấu < > chỉ là giải thích hoặc ví dụ, cơ quan thuế căn cứ vào hồ sơ cụ thể để điền thông tin tương ứng.

- NSNN: Ngân sách Nhà nước
- KBNN: Kho bạc nhà nước
- Tài khoản ngân sách: Ghi rõ tài khoản KBNN đã hạch toán chi hoàn trả
- Quyết định hoàn thuế: Cơ quan thuế ghi số, ngày của Quyết định hoàn thuế có số tiền đã hoàn cần thu hồi.

Mẫu số: **01/ĐNHUY**
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021
 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../....., ngày..... tháng..... năm.....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ HỦY HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ HOÀN THUẾ

Kính gửi: <Tên cơ quan thuế>

Tên người nộp thuế:.....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:.....

Đề nghị cơ quan thuế: <Tên cơ quan thuế> thực hiện hủy hồ sơ đề nghị hoàn thuế có các thông tin như sau:

1. Tên hồ sơ đề nghị hủy

Văn bản đề nghị xử lý số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa mẫu số 01/ĐNXLNT

Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước mẫu số 01/HT

Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước mẫu số 01a/ĐNHT

Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước mẫu số 02/HT

2. Thông tin hồ sơ đề nghị hủy

Tên người nộp thuế đề nghị hoàn:, Mã số thuế:.....

Văn bản đề nghị hoàn thuế số:..... ngày.....

Mã giao dịch điện tử (nếu có):

Được cơ quan thuế tiếp nhận theo Thông báo số...../TB-..... ngày/...../..... về việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị hoàn thuế.

Lý do đề nghị hủy:.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu
 (nếu có)/Ký điện tử)

Mẫu số: **01/TS**
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021
 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ TRA SOÁT

Kính gửi: <.....>
 <Địa chỉ.....>

[01] Tên người nộp thuế:.....

[02] Mã số thuế:

[03] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[04] Mã số thuế:

[05] Hợp đồng đại lý thuế: Số..... ngày.....

[06] Thông tin đơn vị đề nghị tra soát:.....

1. Nội dung đề nghị tra soát, điều chỉnh:

STT	Chỉ tiêu	Nội dung đề nghị tra soát	Nội dung đề nghị điều chỉnh	Lý do
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

2. Tài liệu đính kèm (nếu có): <Bản sao chứng từ nộp ngân sách nhà nước của người nộp thuế hoặc bản sao các quyết định, thông báo, chứng từ có liên quan>.

Kính đề nghị <.....> xem xét, giải quyết./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC

<Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/

Ký điện tử>

Ghi chú:

- Chữ trong dấu <> chỉ là giải thích hoặc ví dụ.
- Chỉ tiêu từ [1], [2], [3], [4], [5]: Khai khi người nộp thuế đề nghị tra soát.
- Chỉ tiêu [6]: Khai khi đơn vị đề nghị tra soát là cơ quan thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát hiện sai, sót cần điều chỉnh đối với thông tin đã trao đổi, cung cấp giữa các cơ quan.
- Nội dung đề nghị tra soát, điều chỉnh các thông tin liên quan đến từng trường hợp đề nghị tra soát cụ thể:
 - + Trường hợp đề nghị tra soát theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 69 Thông tư này thì ghi nội dung đề nghị tra soát bao gồm các thông tin: Số tờ khai/số quyết định/số thông báo/mã định danh hồ sơ (ID); Kỳ thuế/Ngày quyết định/Ngày thông báo; Chương; Tiểu mục và nội dung đề nghị điều chỉnh tương ứng với từng nội dung đề nghị tra soát.
 - + Trường hợp đề nghị tra soát theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 69 Thông tư này thì ghi nội dung đề nghị tra soát bao gồm các thông tin: Số tham chiếu; Số chứng từ; Ngày chứng từ; Số tờ khai/số quyết định/số thông báo/mã định danh hồ sơ (ID); Kỳ thuế/Ngày quyết định/Ngày thông báo và nội dung đề nghị điều chỉnh tương ứng với từng nội dung tra soát).
 - + Trường hợp cơ quan thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát hiện sai, sót theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 69 Thông tư này thì ghi nội dung đề nghị tra soát bao gồm các thông tin đã trao đổi, cung cấp giữa các cơ quan cần tra soát và nội dung đề nghị điều chỉnh tương ứng với từng nội dung đề nghị tra soát.
- Mẫu thư tra soát giữa KBNN và NHTM theo quy định hiện hành giữa KBNN và NHTM; giữa cơ quan thuế và KBNN thực hiện theo quy chế trao đổi thông tin giữa cơ quan thuế và KBNN.

Mẫu số: **01/TB-TS**
*(Ban hành kèm theo Thông tư số
 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021
 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
 TÊN CƠ QUAN THUẾ
BAN HÀNH THÔNG BÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

Số:/TB-.....

THÔNG BÁO
Về việc <...(1)...> thông tin đề nghị tra soát

Căn cứ quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng thi hành;

Căn cứ văn bản đề nghị tra soát số..... ngày.../.../..... (mã giao dịch điện tử.....) của <tên người nộp thuế hoặc tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền>, <mã số thuế của NNT> gửi cơ quan thuế ngày.../.../.....;

<Trường hợp điều chỉnh thông tin theo đề nghị tra soát thì ghi:>

Cơ quan thuế thông báo nội dung điều chỉnh như sau:

STT	Chỉ tiêu	Nội dung đề nghị điều chỉnh	Nội dung điều chỉnh	Căn cứ điều chỉnh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

<Trường hợp không điều chỉnh thông tin theo đề nghị tra soát thì ghi:>

Cơ quan thuế không thực hiện điều chỉnh thông tin theo đề nghị của <Người nộp thuế hoặc Đơn vị>.

Lý do: <ghi cụ thể lý do không điều chỉnh theo 1 trong các trường hợp như sau>.

<Trường hợp người nộp thuế đề nghị tra soát ghi: thông tin theo dõi thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế là chính xác với căn cứ theo dõi nghĩa vụ thuế của cơ quan thuế (hồ sơ khai thuế của người nộp thuế đã được cơ quan thuế thông báo chấp nhận, chứng từ nộp NSNN, thông báo, quyết định và các văn bản khác của cơ quan thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền), cụ thể:.....>.

<Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề nghị tra soát ghi: Thông tin đề nghị tra soát đã khớp đúng với thông tin trao đổi giữa các cơ quan và khớp đúng với thông tin theo dõi tại cơ quan thuế, cụ thể:.....>

Trường hợp <Người nộp thuế hoặc Đơn vị> cần biết thêm thông tin chi tiết, xin vui lòng truy cập theo đường dẫn <http://www.xxx.gdt.gov.vn> hoặc liên hệ với <Tên cơ quan thuế, bộ phận mà người nộp thuế có thể liên hệ, địa chỉ cơ quan thuế> để được hỗ trợ.

Cơ quan thuế thông báo để <Người nộp thuế hoặc Đơn vị> được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- <Tên NNT hoặc tên đơn vị, địa chỉ>;
- <Các BP có liên quan>;
- Lưu: VT, BP ban hành TB.

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ (2)**

*(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu
(nếu có)/Ký điện tử*

Ghi chú: Chữ trong dấu <> chỉ là giải thích hoặc ví dụ.

(1): Trường hợp chấp nhận điều chỉnh thì ghi cụm từ “điều chỉnh” nếu không chấp nhận điều chỉnh thì ghi cụm từ “không điều chỉnh”

(2): Thủ trưởng cơ quan thuế hoặc thừa ủy quyền theo quy định.

Mẫu số: **01/MGTH**
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021
 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ MIỄN (GIẢM)
<tên khoản thu thuộc NSNN được miễn (giảm)>

Kính gửi:... <Tên cơ quan thuế>.....

[01] Tên người nộp thuế:

[02] Mã số thuế:

[03] Địa chỉ:

[03a] Phường/xã.....[03b] Quận/huyện:

[03c] Tỉnh/thành phố:.....

[04] Điện thoại:..... [05] Fax:..... [06] E-mail:

Đề nghị được miễn (giảm) <tên khoản thu thuộc NSNN được miễn (giảm)>
 với lý do và <số tiền miễn (giảm)> cụ thể như sau:

1. Lý do đề nghị miễn (giảm):

-

<Ghi rõ loại khoản thu đề nghị miễn (giảm); căn cứ pháp lý và căn cứ thực tế để đề nghị miễn (giảm) thuế: thuộc đối tượng, trường hợp được miễn (giảm) nào, lý do cụ thể như: thiên tai, dịch họa, tai nạn bất ngờ (ghi cụ thể số tài sản bị thiệt hại, số lỗ)... Trường hợp đề nghị miễn (giảm) thuế tài nguyên thì cần ghi rõ thêm loại tài nguyên, địa điểm, hình thức khai thác, nơi tiêu thụ>.

2. Xác định số thuế được miễn (giảm):

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên khoản thu thuộc NSNN được miễn (giảm)	Kỳ tính thuế/ Khoảng thời gian đề nghị miễn (giảm)	Số tiền đề nghị miễn (giảm)	Số tiền đã nộp (nếu có)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1				
2				
....			
	Cộng			

3. Tài liệu gửi kèm: (ghi rõ tên tài liệu, bản chính hay bản sao)

(1)

(2)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

<Xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (như UBND xã, phường, thị trấn/cơ quan kiểm lâm trực tiếp quản lý rừng/....)>

Ghi chú: Phần nội dung ghi trong dấu < > chỉ là trường hợp ví dụ, người nộp thuế căn cứ vào hồ sơ cụ thể để xác nhận theo quy định.

Mẫu số: **02/MGTH**
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021
 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN
Xác định mức độ, giá trị thiệt hại về tài sản

Căn cứ...

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm.....

Tại:

Chúng tôi gồm:

1..... Chức vụ:.....;

2..... Chức vụ:.....;

Cá nhân/tổ chức có tài sản bị thiệt hại là:

Tên cá nhân/tổ chức:..... - Mã số thuế:.....;

Giấy CMND/Hộ chiếu/Chứng nhận đăng ký kinh doanh/Chứng nhận đăng ký hoạt động số:..... do..... cấp ngày

Địa chỉ:

Với sự chứng kiến của:

1. Ông (bà)..... Nghề nghiệp:.....;

Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....;

Địa chỉ thường trú:

2. Ông (bà)..... Nghề nghiệp:.....;

Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....;

Địa chỉ thường trú:

Tiến hành lập biên bản xác định mức độ, giá trị tài sản bị thiệt hại như sau:

1. Nguyên nhân gây thiệt hại:

(Nêu rõ sự kiện, địa điểm và thời điểm xảy ra sự kiện gây thiệt hại)

.....

2. Xác định mức độ, giá trị thiệt hại về tài sản:*Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam*

STT	Tên tài sản	Số lượng	Giá trị thiệt hại	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1				
....			
	Tổng cộng			

Biên bản này gồm có..... trang, được lập thành..... bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau.

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký xác nhận vào từng trang của biên bản hoặc có ý kiến bổ sung khác (nếu có) như sau:.....

CÁ NHÂN HOẶC ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**CÓ TÀI SẢN BỊ THIẾT HẠI**

*Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu
(nếu có)*

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

*Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu
(nếu có)*

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

*Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu
(nếu có)*

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN**CÓ THẨM QUYỀN**

*Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu
(nếu có)*

Mẫu số: **03/MGTH**
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021
 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
 TÊN CƠ QUAN THUẾ RA
QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-....., ngày..... tháng..... năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc miễn (giảm) <tên khoản thu thuộc NSNN được miễn (giảm)>

CHỨC DANH THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

<Căn cứ các Luật thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác thuộc NSNN và các văn bản hướng dẫn thi hành>;

<Căn cứ Quyết định số..... ngày..... tháng..... năm.... của..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thuế/Cục thuế/Chi cục thuế>;

Căn cứ hồ sơ đề nghị miễn (giảm) <tên khoản thu thuộc NSNN được miễn, giảm> số..... ngày... tháng... năm... của..... <tên người nộp thuế>;

Theo đề nghị của <Bộ phận đề xuất miễn (giảm) của cơ quan thuế>.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Miễn (giảm) <tên khoản thu thuộc NSNN được miễn, giảm> cho..... <tên người nộp thuế>, <mã số thuế>....., trong đó:

1. Miễn <tên khoản thu thuộc NSNN được miễn>

- Số tiền được miễn:..... đồng; (Bằng chữ:.....)

- Thời gian được miễn:

<Kỳ tính thuế được miễn: <đôi với các sắc thuế theo hồ sơ khai thuế>:.....>;

<Khoảng thời gian được miễn: <đôi với tiền thuê đất, thuê mặt nước;>;

- Lý do: <trường hợp miễn theo khoản thu thuộc NSNN được miễn>.

- <Địa chỉ, diện tích khu đất (tiền sử dụng đất)

- Tại địa chỉ khu đất....

- Diện tích:.....>

2. Giảm <tên khoản thu thuộc NSNN được giảm>

- Số tiền được giảm:..... đồng;

- Thời gian được giảm:

<Kỳ tính thuế được giảm: <đối với các sắc thuế theo hồ sơ khai thuế>:.....>;

<Khoảng thời gian được giảm: <đối với tiền thuê đất, thuê mặt nước; ...>;

- Lý do được giảm: <trường hợp giảm theo khoản thu thuộc NSNN được giảm>.

- <Địa chỉ, diện tích khu đất (tiền sử dụng đất)

+ Tại địa chỉ khu đất....

+ Diện tích:.....>

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

...<Tên người nộp thuế>..., ...<trưởng các bộ phận liên quan của cơ quan thuế>...
chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;

- Lưu: VT;

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(Xem tiếp Công báo số 965 + 966)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: <http://congbao.chinhphu.vn>
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng